CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01 /2017/NQ-ĐHĐCĐ	*Bắc Kạn, ngày 29 tháng 4 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01 /2017/BB-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2017,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn nhất trí thông qua:

1. Tờ trình về việc đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2017.

2. Các Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán.

3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016 và phương hướng hoạt động năm 2017.

4. Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016.

5. Tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2016.

6. Miễn nhiệm ông Vũ Gia Hạnh khỏi chức vụ thành viên Ban Kiểm soát và bầu bổ sung ông Bùi Đức Hùng làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021.

7. Tờ trình mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2017.

8. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2017.

9. Tham gia góp vốn đầu tư dự án BT Đường ven sông Đồng Nai theo nội dung tờ trình của Chủ tịch HĐQT và ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động quyết định các nội dung liên quan tới dự án thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

10. Chủ tịch HĐQT đồng thời là Tổng giám đốc Công ty.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các cổ đông, thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- UBCKNN, Sở GDCKHN;
- HĐQT, BTGĐ;
- BKS;
- Các cổ đông, website công ty;
- Lưu VT, CBTT

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

M.S.D.N: 4700149595 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
TP. BẮC KẠN T. BẮC KẠN

Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 01 /2017/BB – ĐHĐCĐ	*Bắc Kạn, ngày 29 tháng 4 năm 2017*

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Vào hồi 8 giờ 30, ngày 29/4/2017 tại Hội trường Tầng 3, Khách sạn Núi hoa, Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ("ĐHĐCĐ") của Công ty cổ phần Khoáng Sản Bắc Kạn ("Công ty") đã được khai mạc.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Hội đồng quản trị và ban điều hành

- Ông Vũ Phi Hổ	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Huy Hoàn	Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Trần Nhất	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- Ông Mai Thanh Sơn	Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Tiến Biền	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Chi	Phó Tổng Giám đốc

2. Ban Kiểm soát:

- Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Vũ Gia Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát
- Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên Ban Kiểm soát

3. Các cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn *(theo danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ đính kèm).*

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

1. Thông qua quy chế làm việc của ĐHĐCĐ.

2. Bầu Ban thư ký và Ban kiểm phiếu.

3. Thông qua Chương trình nghị sự ĐHĐCĐ.

4. Thông qua Tờ trình về việc đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2017.

5. Thông qua các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016.

6. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016 và phương hướng hoạt động năm 2017.

7. Thông qua Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016.

8. Thông qua Tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2016.

9. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

10. Bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021.

11. Thông qua Tờ trình về việc đầu tư dự án BT Đường ven sông Đồng Nai và ủy quyền cho Hội đồng quản trị.

12. Thông qua Tờ trình về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2017.

13. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2017.

14. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

III. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

1. Ông Bùi Mạnh Cường giới thiệu đại biểu, xin ý kiến Đại hội thông qua danh sách thành viên Ban thẩm tra tư cách cổ đông, gồm các ông bà: Ông Vũ Gia Hạnh - Trưởng ban, ông Đặng Lam Giang – Thành viên, Bà Phan Thị Thanh Huệ - Thành viên.

   Đại hội đã biểu quyết với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.366	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

2. Ông Vũ Gia Hạnh – thay mặt Ban thẩm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông có đủ điều kiện tham dự đại hội, theo đó:

- Tổng số cổ đông của Công ty theo danh sách cổ đông chốt ngày 15 tháng 03 năm 2017 là **878** cổ đông, nắm giữ **11.737.728** cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số cổ đông được triệu tập là 878 cổ đông, nắm giữ 11.737.728 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ đông tham dự đại hội (trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền) là 32 cổ đông, đại diện cho 10.437.366 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 88,92% cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, cuộc họp ĐHĐCĐ đủ điều kiện tiến hành.

(Có "Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông" kèm theo).

3. Ông Bùi Mạnh Cường trình bày Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ và xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua.

Đại hội đã biểu quyết với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

4. Ông Vũ Phi Hổ – Chủ tọa tuyên bố khai mạc ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.

Chủ tọa xin ý kiến ĐHĐCĐ về việc bầu Ban thư ký và Ban kiểm phiếu

- **Ban thư ký:**

+ Ông Đặng Lam Giang Trưởng ban

+ Bà Phan Thị Thanh Huệ Thành viên

- **Ban kiểm phiếu:**

+ Ông Nguyễn Văn Vũ Trưởng ban

+ Bà Trần Thị Yến Thành viên

+ Ông Nguyễn Đức Thuận Thành viên

+ Bà Hoàng Thị Lày Thành viên

+ Bà Hà Thị Quỳnh Anh Thành viên

Đại hội đã biểu quyết thông qua Ban thư ký và Ban kiểm phiếu với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%

Ý kiến khác	0	0%

Ông Vũ Phi Hổ trình bày nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. (Có *"Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017"* kèm theo).

Theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty việc chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc phải được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm. Hiện nay HĐQT chưa giới thiệu được Tổng giám đốc mới nên ông Vũ Phi Hổ đề nghị bổ sung nội dung "Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc" vào Chương trình nghị sự của đại hội để biểu quyết theo quy định của pháp luật.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình như tài liệu cùng với nội dung bổ sung trên vào Chương trình với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

5. Ông Nguyễn Văn Chi – Phó Tổng giám đốc trình bày với Đại hội Tờ trình về việc đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2017 *(Có Tờ trình kèm theo).*

Cổ đông Đặng Thanh Vân có ý kiến: nhất trí với nội dung tờ trình và đề nghị bổ sung: tại Bảng 1 nên bổ sung thêm cột kế hoạch năm 2016 để có thể xem xét mức độ hoàn thành; tại Bảng 7 nên ghi là "Kế hoạch" thay vì "Chỉ tiêu"".

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

6. Ông Vũ Phi Hổ – Chủ tịch HĐQT trình bày Tờ trình về việc đầu tư dự án BT Đường ven sông Đồng Nai và ủy quyền cho Hội đồng quản trị. *(Có Tờ trình kèm theo)*

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%

Ý kiến khác	0	0%

7. Bà Trần Thị Yến – Trưởng phòng Tài chính Kế toán trình bày với Đại hội về các Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán *(Có "Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016" kèm theo).*

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

8. Ông Vũ Phi Hổ– Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo với Đại hội về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016 và phương hướng hoạt động năm 2017 *(Có "Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016 và phương hướng hoạt động năm 2017" kèm theo)*

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

9. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Thế Phòng – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016 *(Có "Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016" kèm theo).*

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

10. Đại hội đã nghe Bà Trần Thị Yến – Trưởng phòng Tài chính Kế toán trình bày Tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2016 (Có *"Tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2016"* kèm theo).

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu	Tỷ lệ % cổ phần có quyền

	quyết	biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

11. Ông Vũ Phi Hổ – Chủ tịch HĐQT trình bày Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát. *(Có Tờ trình kèm theo)*

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

12. Ông Vũ Phi Hổ – Chủ tịch HĐQT trình bày với Đại hội về quy chế đề cử, ứng cử và quy chế bầu cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2016 – 2021. *(Có quy chế kèm theo)* Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

13. Đại hội đã nghe Ban bầu cử thông báo danh sách đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2021 (*Có sơ yếu lý lịch kèm theo*) gồm:

STT	Họ và tên
1	Bùi Đức Hùng

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

14. Ban bầu cử phát phiếu bầu cử cho các cổ đông. Đại hội tiến hành bầu cử.

15. Ban bầu cử công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021.

Kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021:

STT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết	Tỉ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
1	Bùi Đức Hùng	10.437.044	99,99%

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và đối chiếu với kết quả kiểm phiếu bầu cử, như vậy Ông Bùi Đức Hùng đã trúng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn nhiệm kỳ 2016-2021.

16. Đại hội đã nghe Ông Vũ Phi Hổ trình bày nội dung về việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

17. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Thế Phòng – Trưởng ban kiểm soát trình bày Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2017. *(Có Tờ trình kèm theo)*
Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

18. Đại hội đã nghe Ông Vũ Phi Hổ – Chủ tịch HĐQT trình bày về Tờ trình mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

19. Ông Đặng Lam Giang – Ban thư ký đại hội đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 để Đại hội biểu quyết thông qua.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.437.044	99,99%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông là cơ sở để ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội kết thúc vào hồi 12 giờ 30 cùng ngày.

CHỦ TỌA

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Vũ Phi Hổ

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Đặng Lam Giang **Phan Thị Thanh Huệ**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2017	*Bắc Kạn, ngày 19 tháng 4 năm 2017*

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;

Nhằm đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông; Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, cụ thể như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.

2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc hướng dẫn sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.

3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc chuyển sang chế độ rung không chuông.

5. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải dời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả các vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

1. Quyền và nghĩa vụ các cổ đông tham gia đại hội Đại hội đồng cổ đông.

1.1. Điều kiện tham gia đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu BKC theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoáng Việt Nam chốt ngày 15/3/2017 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham gia đại hội

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) đến dự đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp.
- Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/bản sao Giấy CNĐKKD.
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự đại hội).

(*Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó*).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông đến dự Đại hội được nhận 01 Thẻ biểu quyết. Thẻ biểu quyết ghi rõ họ tên Cổ đông, mã số tham dự Đại hội (*do Ban tổ chức gán cho mỗi cổ đông*) và số phiếu biểu quyết (*bằng số cổ phần sở hữu của mỗi cổ đông/đại diện cổ đông tại ngày 15/3/2017- ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2017*).

b. Cổ đông tham dự và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc có thể ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham gia đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội. Mỗi một cổ đông cá nhân chỉ được ủy quyền cho 01 người nhận ủy quyền tham dự Đại hội. Trường hợp cổ đông cá nhân tham dự trực tiếp nhưng vẫn ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham dự Đại hội hoặc cổ đông cá nhân ủy quyền cho nhiều người thay mặt mình tham dự Đại hội thì những người được ủy quyền đó được coi là không đủ tư cách cổ đông tham dự Đại hội. Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Cổ đông tham dự đại hội muốn phát biểu thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự đại hội có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký đại hội.

d. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ BKC.

e. Cổ đông tới dự họp ĐHĐCĐ sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây rối mất trật tự làm ảnh hưởng đến quá trình diễn ra ĐH.

g. Cổ đông đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết bầu cử các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương

trình Đại hội đã được thông qua. Trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết bầu cử đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) là Chủ tọa của Đại hội.

2.2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt, một trong các thành viên HĐQT sẽ đảm nhiệm vị trí chủ tọa Đại hội.

2.3. Chủ tọa Đại hội có nhiệm vụ:

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua.

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội;

- Xin ý kiến Đại hội về danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và BKS do Ban Tổ chức tổng hợp; giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu; giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

- Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

2.3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự Đại hội.

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc biện pháp an ninh khác;

- Yêu cầu bộ phận chức năng duy trì trật tự tại Đại hội; trục xuất những người không tuân thủ điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành bình thường của Đại hội hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội đồng cổ đông.

2.4. Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc đổi địa điểm họp, nhưng không quá 03 ngày kể từ ngày được mời dự Đại hội chính thức, trong trường hợp sau:

- Địa điểm không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự Đại hội;

- Có người dự Đại hội có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ cuộc họp không

được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Ban Tổ chức Đại hội thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông công nhận giấy tờ của cổ đông đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời điểm 15/3/2017; phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử; báo cáo trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký ĐHĐCĐ

4.1. Ban Thư ký ĐHĐCĐ do Chủ tọa giới thiệu và tổ chức lấy ý kiến thông qua Đại hội.

4.2. Ban Thư ký ĐHĐCĐ thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn bảo lưu tại Đại hội;

- Soạn thảo, hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội. Thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;

- Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông thông qua Tổ giúp việc Đoàn Chủ tịch.

5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

5.1. Ban kiểm phiếu Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

5.2. Ban Kiểm phiếu Đại hội có nhiệm vụ:

- Thống kê, tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung;

- Thực hiện việc phát phiếu, kiểm phiếu.

- Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả biểu quyết của các cổ đông trong

cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu của cổ đông và/hoặc được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn).

2. Cách biểu quyết

- Cổ đông biểu quyết (*theo thứ tự "Đồng ý", "Không đồng ý", "Không có ý kiến hoặc có ý kiến khác"*) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề tại Đại hội đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban Kiểm phiếu sẽ đánh dấu Mã số cổ đông tham dự và số phiếu biểu quyết tương ứng với từng cổ đông đồng ý trên Thẻ biểu quyết. Và tương tự, đối với các ý kiến còn lại.

Cổ đông đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết về các nội dung mình đã biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức.

3. Thể lệ biểu quyết

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.

- Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại Đại hội khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, trừ các trường hợp theo Khoản 2 Điều 20 Điều lệ.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc

Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa cuộc họp; việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nghị sự; cổ đông có ý kiến phải đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký Đại hội; Ban Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch.

2. Cách thức phát biểu

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua, không dùng lời lẽ xúc phạm hoặc gây mất trật tự tại Đại hội. Chủ tọa cuộc họp sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự chương trình làm việc và đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của các cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Tất cả các nội dung tại ĐHĐCĐ phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản họp của ĐHĐCĐ.

2. Biên bản ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua.

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11 /TTr-TGĐ	*Bắc Kạn, ngày 18 tháng 4 năm 2017*

TỜ TRÌNH
V/v: Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất năm 2016; phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;*

Thay mặt cho Ban điều hành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn ("Công ty"), Tổng giám đốc báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty ("ĐHĐCĐ") về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch năm 2017 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM 2016:

1. Đánh giá chung

- Năm 2016, tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt là giá kim loại vẫn ở mức thấp, tuy có nhích lên vào những tháng cuối năm.

- Hoạt động quản lý nhà nước về khoáng sản trên cả nước nói chung và tỉnh Bắc Kạn ngày càng chặt chẽ hơn.

- Hoạt động sản xuất của Công ty đã đi dần vào ổn định về chuyên môn, kỹ thuật nhưng chưa ổn định về sản lượng khai thác. Việc làm, thu nhập của người lao động được đảm bảo. Đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, nhân viên được cải thiện hơn.

2. Thuận lợi và khó khăn

2.1. Thuận lợi:

Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của cơ quan quản lý nhà nước tỉnh Bắc Kạn và Trung ương. Nội bộ đoàn kết. Ban lãnh đạo quyết tâm cao, chỉ đạo quyết liệt, sát sao với hoạt động sản xuất kinh doanh. Người lao động tích cực hơn trong công việc nhờ việc cải cách và điều chỉnh đơn giá, tiền lương, tiền công theo hướng tăng lên và áp dụng cơ chế thưởng, phạt linh hoạt, phù hợp.

2.2. Khó khăn:

- Kết quả khai thác không đạt được kế hoạch đặt ra do những tác động không lường trước được như điều kiện biến động của địa chất; chưa được cấp thêm mỏ để khai thác dẫn đến thiếu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến v.v. Đặc biệt, sự quản lý chồng chéo của cơ quan quản lý nhà nước đã gây nhiều thiệt hại và khó khăn cho công ty. Cụ thể là Nhà máy luyện chì sau khi đi vào hoạt động từ ngày 01/09/2015 đã sản xuất ổn định được gần 2500 tấn chì kim loại nhưng sau đó có văn bản của cơ quan quản lý nhà nước thông báo không được sử dụng chuyên gia nước ngoài do nhà máy nằm trong vùng CT229. Vì chưa có chuyên gia trong nước đủ khả năng đảm nhiệm được nên đến ngày 01/4/2016, nhà máy đã buộc phải dừng sản xuất. Do đó không có sản phẩm để tiêu thụ và quay vòng vốn tái đầu tư cho sản xuất.

- Trong điều kiện giá kim loại trên thị trường thế giới vẫn ở mức thấp và chỉ nhích lên vào những tháng cuối năm nên chưa đủ để bù đắp những chi phí khác như: giá cả đầu vào tăng, các loại phí, thuế được điều chỉnh tăng dẫn tới hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao.

- Tình trạng thanh tra, kiểm tra của nhiều cơ quan quản lý nhà nước ở cả trung ương và địa phương đối với doanh nghiệp đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất; một số cơ chế, chính sách quy định của Nhà nước còn bất cập, cứng nhắc, thậm chí có dấu hiệu cục bộ địa phương gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Nguồn nhân lực cho sản xuất luôn có sự biến động và khan hiếm, trình độ chuyên môn tay nghề chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Nhận thức, hiểu biết về chính sách pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật lao động của người lao động còn hạn chế dẫn đến tình trạng thường xuyên tự nghỉ việc không lý do.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2016 các cơ sở chế biến và khai thác mỏ hoạt động liên tục; cơ sở hạ tầng tiếp tục được đầu tư, cải tạo và nâng cấp; điều kiện lao động, môi trường làm việc, sinh hoạt được cải thiện; trang thiết bị phục vụ sản xuất từng bước được cơ giới hóa; chất lượng lao động và chất lượng sản phẩm được nâng lên. Công ty đã thu hút một lực lượng lao động đông đảo cả trong và ngoài tỉnh Bắc Kạn, góp phần giải quyết việc làm, hỗ trợ an sinh xã hội cho địa phương. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đóng góp lớn vào giá trị sản lượng công nghiệp của tỉnh, tăng thu ngân sách địa phương, thúc đẩy lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản phục hồi và phát triển. Vào những tháng cuối năm 2016, giá kim loại tăng đã giúp công ty giảm bớt khó khăn về tài chính đồng thời, trên cơ sở đó, Ban điều hành đã có chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình mới.

Những kết quả đạt được trong năm 2016 cụ thể như sau:

Bảng 1: Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2016

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ % thực hiện
1	Tổng sản lượng khai thác nguyên khai	Tấn	25.081	20.681,57	82,46
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì ≥ 60% Pb	Tấn	5.027,63	3.534,09	70,29
	- Ting quặng kẽm ≥ 50% Zn	Tấn	4.784	3.346,39	69,95
	- Chì kim loại (hàm lượng ≥ 98%)	Tấn	1.528,62	790,73	51,73
3	Khối lượng hàng hóa đã xuất bán				
	- Tinh quặng chì 60% Pb	Tấn	2.433,97	2.682,571	110,21
	- Tinh quặng kẽm 50% Zn	Tấn	4.260	2.505,786	58,82
	- Chì kim loại (hàm lượng ≥ 98%)	Tấn	1.494,4	825,21	55,22
4	Tổng doanh thu	Đồng	127.454.688.783	154.082.535.912	120,89
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	20.693.791.531	1.710.615.305	8,27
6	Nộp ngân sách nhà nước	Đồng	22.497.795.451	8.882.079.240	39,48
7	Nộp Bảo hiểm xã hội	Đồng	3.692.284.098	8.407.198.679	227,7
8	Thu nhập bình quân	Đồng	5.500.000	5.500.000	100
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Đồng	49.150.642.422	23.655.213.564	48,13
10	Vốn điều lệ của Công ty	Đồng	117.377.280.000	117.377.280.000	100

Bảng 2 : Chi tiết các khoản nộp ngân sách nhà nước năm 2016

Stt	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp tại thời điểm 31/12/2015	Phát sinh trong kỳ năm 2016		Số còn phải nộp tại thời điểm 31/12/2016
			Số phải nộp	Số đã nộp	
1	Thuế GTGT		6.679.861.110	4.570.401.399	2.109.459.711
2	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	6.181.800	28.825.674	12.008.924	22.998.550
3	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	782.871.319	(381.088.242)	381.088.242	20.694.835
4	Thuế Tài nguyên	207.535.500	2.386.143.262	1.479.663.863	1.114.014.899
5	Phí Bảo vệ môi trường	415.071.000	3.724.302.600	1.925.488.016	2.213.885.584
6	Thuế Thu nhập cá nhân	185.328.456	23.895.864	157.222.035	51.912.285
7	Tiền thuê đất	244.595.080	363.972.644	303.220.002	305.347.722
8	Các loại thế, phí khác	19.620.000	33.366.759	52.986.759	
	Tổng cộng	**1.861.113.155**	**12.859.279.671**	**8.882.079.240**	**5.838.313.586**

Bảng 3 : Chi tiết tổng vốn đầu tư thực hiện năm 2016:

Stt	Chi phí đầu tư	Giá trị
1	Mỏ Nà Bốp – Pù Sáp	16.136.013.564 đồng
2	Công ty TNHH Việt Trung	7.519.200.000 đồng
	Tổng cộng	23.655.213.564 đồng

2. Công tác nhân sự:

2.1 Ban tổng giám đốc:

Bảng 4 : Danh sách Ban tổng giám đốc

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Vũ Phi Hổ	Tổng giám đốc	
2	Đinh Văn Hiến	Phó Tổng giám đốc	
3	Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng giám đốc	
4	Nguyễn Tiến Biền	Phó Tổng giám đốc	
5	Nguyễn Văn Chi	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm tháng 12/2016

2.2 Các quyết định quan trọng về tổ chức bộ máy, nhân sự Công ty:

- Năm 2016 Công ty thực hiện sáp nhập Phòng Truyền thông vào Văn phòng Công ty từ tháng 01/2016 và thành lập chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại Hà Nội vào tháng 9/2016.

- Trong năm 2016, Tổng giám đốc ký quyết định bổ nhiệm đối với 01 chức danh Phó tổng giám đốc, 01 chức danh Chánh văn phòng, 01 chức danh trưởng phòng TCLĐ, 02 chức danh giám đốc chi nhánh, 01 chức danh phó giám đốc Xí nghiệp.

2.3. Tổng số lao động toàn Công ty năm 2016:

Bảng 5 : Số lao động đầu kỳ:

Tổng số	Trong đó lao động nữ	Trình độ chuyên môn, kỹ thuật						Loại Hợp đồng lao động		
		Đại học trở lên	Cao đẳng/ cao đẳng nghề	Trung cấp/ trung cấp nghề	Sơ cấp nghề	Dạy nghề thường xuyên	Chưa qua đào tạo	Không xác định thời hạn	Xác định thời hạn	Theo mùa vụ hoặc theo công việc dưới 12 tháng
635	56	62	19	71	41	33	403	542	45	48

Bảng 6 : Số lao động cuối kỳ:

Tổng số	Trong đó lao động nữ	Trình độ chuyên môn, kỹ thuật						Loại Hợp đồng lao động		
		Đại học trở lên	Cao đẳng/ cao đẳng nghề	Trung cấp/ trung cấp nghề	Sơ cấp nghề	Dạy nghề thường xuyên	Chưa qua đào tạo	Không xác định thời hạn	Xác định thời hạn	Theo mùa vụ hoặc theo công việc dưới 12 tháng
541	48	64	18	30	7	22	400	424	86	31

2.4. Chuyên gia nước ngoài:

Năm 2016, Công ty có 09 chuyên gia lao động là người nước ngoài hỗ trợ công tác kỹ thuật. Đến ngày 31/12/2016, Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động với toàn bộ số lao động nước ngoài nêu trên.

2.5. Công tác đào tạo:

Trong năm 2016 Công ty đã thực hiện các khóa đào tạo, huấn luyện sau :

- Tổ chức huấn luyện cho 32 người làm việc liên quan đến vật liệu nổ và được Sở Công thương cấp chứng chỉ theo quy định.

- Thuê đơn vị có chức năng thực hiện huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động cho 138 người.

- Tổ chức huận luyện, diễn tập Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo quy định.

3. Kết quả triển khai thực hiện các dự án đầu tư:

3.1. Hoạt động khai thác:

- Mỏ Nà Bốp – Pù Sáp: Mỏ đi vào hoạt động khai thác ổn định. Năm 2016, sản lượng khai thác của mỏ đạt: **18.937,54** tấn quặng.

- Mỏ Nà Duồng: Sau khi thi công xong các đường lò chuẩn bị đã đi vào khai thác. Năm 2016, sản lượng đạt: **1.744,381** tấn quặng.

- Mỏ Phú Đô: Do giấy phép khai thác đã hết hạn nên Công ty chỉ tập trung vào công tác trông coi, bảo vệ; lập đề án đóng cửa mỏ trình phê duyệt theo quy định.

- Mỏ Lủng Cuổi: Đã hoàn thiện công tác đóng cửa mỏ và trả lại đất cho địa phương quản lý.

- Nhà máy nước khoáng AVA : Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý trình Tổng cục địa chất và khoáng sản Việt Nam cấp giấy phép khai thác.

- Mỏ Bó Nặm: Tục tiếp thực hiện các thủ tục xin cấp phép theo quy định.

- Mỏ vàng Pác Lạng: Công ty đã dừng dự án này do những tác động không mong muốn.

3.2. Hoạt động sản xuất, chế biến:

- Nhà máy luyện chì: Trong năm 2016, Nhà máy luyện chì hoạt động được 03 tháng đầu năm, sản xuất được **790,73** tấn chì kim loại (hàm lượng Pb ≥ 98%). Tuy nhiên, do nhà máy nằm trong khu vực CT229, không được sử dụng lao động người nước ngoài nên từ tháng 4/2016 đến nay, nhà máy buộc phải dừng hoạt động.

- Nhà máy xử lý chất thải rắn: Vẫn chưa đi vào hoạt động; chưa nâng cấp, cải tạo chuyển đổi thành dây chuyền tuyển nổi do chưa được cấp mỏ mới.

- Sản xuất, kinh doanh đồ uống: Nhà máy Chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn tiếp tục dừng sản xuất rượu, chỉ duy trì sản xuất nước đóng bình nhựa 20 lít. Tuy nhiên, doanh thu bán hàng thấp do chủ yếu cung cấp cho nội bộ Công ty. Dự án rượu đang trong giai đoạn chạy thử nghiệm, chưa có sản phẩm ra thị trường.

3.3 Hoạt động M&A

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện việc mua lại 100% vốn của Công ty TNHH Việt Trung từ Công ty TNHH thương mại Trường Phong Quảng Tây (nắm giữ 65% vốn) và Công ty TNHH Đồng Tâm (nắm giữ 35% vốn). Kể từ ngày 11/10/2016, Công ty TNHH Việt Trung trở thành Công ty con của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn. Đây là công ty có mỏ chì kẽm có tiềm năng về sản lượng khai thác nằm tại thị trấn Bằng Lũng và xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác mỏ từ năm 2014.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2017:

1. Khai thác khoáng sản

- Tiếp tục khai thác hai mỏ Nà Bốp – Pù Sáp theo giấy phép đã được cấp với công suất 30.000 tấn/năm.

- Mỏ Nà Duồng sẽ hết hạn khai thác vào tháng 8/2017, do đó Công ty sẽ lập hồ sơ thăm dò nâng cấp trữ lượng, đưa mỏ vào quy hoạch phân tán nhỏ lẻ và tiếp tục xin cấp phép khai thác.

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép mỏ Bó Nặm và mỏ nước khoáng AVA. Đồng thời, Công ty sẽ chuẩn bị nguồn lực cũng như máy móc thiết bị để khi được cấp phép, mỏ nước khoáng AVA và mỏ Bó Nặm có thể đưa vào hoạt động ngay.

- Thực hiện công tác đóng cửa mỏ Phú Đô và bàn giao đất cho địa phương quản lý.

2. **Sản xuất, chế biến:**

- Tiếp tục thuê Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã tuyển quặng từ mỏ Nà Bốp – Pù Sáp, Nà Duồng theo công suất khai thác đã được cấp phép.

- Tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn để đưa nhà máy luyện chì hoạt động trở lại.

- Nghiên cứu, tiến hành sửa chữa, cải tạo nhà máy xử lý chất thải rắn thành nhà máy tuyển nổi với công suất 100 tấn quặng nguyên khai/ngày-đêm để khi được cấp mỏ mới đáp ứng ngay nhu cầu tuyển quặng.

- Cải tạo, sửa chữa xưởng bột kẽm ôxít để tái hoạt động và dần từng bước nâng cấp thành Nhà máy xử lý chất thải ngành luyện kim.

- Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn cần mở rộng thị trường tiêu thụ nước tinh khiết, không chỉ chú trọng vào cung cấp cho nội bộ Công ty.

- Hoàn thiện dây chuyền sản xuất và đưa sản phẩm rượu Bó Nặm trở lại thị trường.

3. **Hoạt động khác:**

- Đầu tư góp vốn vào dự án BT đường ven sông Đồng Nai, đoạn từ cầu Hóa An đến hết địa phận của thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (dài 6 km).

4. **Các chỉ tiêu chính năm 2017:**

4.1. Sản xuất:

Bảng 7: Chỉ tiêu sản xuất năm 2017

Stt	Nội dung	Đơn vị	Kết quả	Ghi chú
1	Khai thác quặng nguyên khai	Tấn	31.667	
2	Luyện kim	Tấn	1.000	Chì kim loại ≥ 98%

4.2. Doanh thu, lợi nhuận

Bảng 8: Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2017

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)

1	Tổng doanh thu	160
2	Giá vốn hàng bán	120
	- Chi phí nguyên vật liệu	*30*
	- Chi phí nhân công	*61,2*
	- Chi phí khấu hao	*6*
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*20,4*
	- Chi phí bằng tiền khác	*2,4*
3	Chi phí tài chính	5
4	Chi phí quản lý và chi phí khác	15
	- Chi phí tiền lương	*11.25*
	- Chi phí khấu hao	*0.3*
	- Chi phí khác	*3.45*
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	20
6	Dự kiến nộp ngân sách nhà nước	20
	Thuế GTGT	5,6
	Thuế tài nguyên, Phí bảo vệ môi trường	10
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,4
7	Lợi nhuận sau thuế	15,6

4.3. Cổ tức

Dự kiến chia cổ tức sau khi đã trích lập các quỹ hợp lý, hợp lệ: 10%

4.4. Nhân sự:

- Số lượng nhân sự tuyển mới:

Bảng 9: Số lượng lao động tuyển mới

Stt	Tên đơn vị	Số lượng (người)	Ghi chú
1	Khối văn phòng	5	
2	XN khai thác Bằng Lãng	30	
3	XN khai thác mỏ Pù Sáp	30	
4	XN KT&CBKS Chợ Đồn	1	Kỹ sư luyện kim
	Tổng:	**66**	

- Kế hoạch đào tạo năm 2017:

+) Đào tạo giảng viên huấn luyện an toàn vệ sinh lao động ("ATVSLĐ") theo tiêu chuẩn của Nhà nước: 01 người.

+) Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ lần đầu cho người lao động mới tuyển: 66 người.

+) Phổ biến nội quy, quy trình, quy phạm an toàn lao động và huấn luyện định kỳ hàng năm về ATVSLĐ cho người lao động: trong toàn bộ các đơn vị sản xuất.

+) Phổ biến các quy định mới của Nhà nước về chế độ, chính sách liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động: toàn bộ lao động.

+) Tập huấn cho người làm việc liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp (Công an tỉnh – Sở Công thương chủ trì): 45 người.

+) Tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ: (Công an tỉnh chủ trì): trên 100 người.

4.4. Nhu cầu vốn năm 2017:

Stt	Tên dự án	Kinh phí dự kiến (Tỷ đồng)	Đã đầu tư (Tỷ đồng)	Còn lại (Tỷ đồng)	Ghi chú
1	Đầu tư cho sản xuất mỏ Nà Bốp – Pù Sáp	2	0	2	Sử dụng vốn tự có của DN
2	Đầu tư thăm dò nâng cấp, xin cấp mỏ Nà Duồng	3,5	0	3,5	Sử dụng vốn tự có của DN
3	Cấp phép mỏ AVA	2	0	2	Sử dụng vốn tự có của DN
4	Cấp phép mỏ Bó Nặm	3	0	3	Sử dụng vốn tự có của DN
5	Sửa chữa, cải tạo nhà máy xử lý chất thải rắn	3	0	3	Sử dụng vốn tự có của DN
6	Vốn lưu động phục vụ nhà máy luyện chì	10	0	10	Sử dụng vốn tự có của DN
7	Đóng cửa mỏ Phú Đô	0,5	0	0,5	Sử dụng vốn tự có của DN
8	Cải tạo xưởng bột kẽm ô xít	6	0	6	Sử dụng vốn tự có của DN
9	Đầu tư cho sản xuất của Cty TNHH Việt Trung	5	0	5	Sử dụng vốn tự có của DN
10	Góp vốn đầu tư vào dự án BT đường ven sông Đồng Nai đoạn từ cầu Hóa An đến hết địa phận của thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (dài 6 km).	100	0	100	Sử dụng vốn tự có của DN và vốn vay ngân hàng

12	Sản xuất rượu	2	0	2	Sử dụng vốn tự có của DN
	Tổng cộng			**137**	

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch năm 2017. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua:

Trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Vũ Phi Hổ

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BTGĐ;
- BKS;
- VP; TKCT;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12 /BC – HĐQT	*Bắc Kạn, ngày 18 tháng 4 năm 2017*

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Thay mặt Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, tôi xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2016, kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2017 như sau:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2016

1. Nhân sự của Hội đồng quản trị

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 tổ chức ngày 28/04/2016 Công ty đã tiến hành bầu HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021. Đại hội đã nhất trí bầu 5 thành viên HĐQT, gồm các ông: Vũ Phi Hổ, Đinh Văn Hiến, Nguyễn Huy Hoàn, Mai Thanh Sơn và Nguyễn Trần Nhất. So với nhiệm kỳ trước đó, có sự thay đổi nhân sự: ông Mai Văn Bản thôi giữ chức vụ và ông Nguyễn Trần Nhất được bầu mới. Tiếp đó tại cuộc họp HĐQT ngày 05/05/2016, ông Vũ Phi Hổ đã được các thành viên HĐQT nhất trí bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT.

Bảng 1: Danh sách thành viên HĐQT

Stt	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Ông Vũ Phi Hổ	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Đinh Văn Hiến	Thành viên
3.	Ông Nguyễn Huy Hoàn	Thành viên
4.	Ông Mai Thanh Sơn	Thành viên
5.	Ông Nguyễn Trần Nhất	Thành viên

2. Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2016 và các quyết định được ban hành

2.1 Các cuộc họp

Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức 7 cuộc họp và 14 lần xin ý kiến bằng email để xem xét, thảo luận và thông qua các quyết định liên quan tới công tác nhân sự, hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và chiến lược phát triển của công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT. Những quyết định quan trọng đã được ban hành trong năm như tiến

hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, bầu chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm phó tổng giám đốc, mua lại công ty TNHH Việt Trung v.v.

Các buổi họp và những lần xin ý kiến bằng email đều được chuẩn bị chu đáo, nghiêm túc, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với Điều lệ, các quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

2.2. Các Nghị quyết HĐQT trong năm 2016:

Bảng 2: Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2016

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/2016/NQ-HĐQT	27/01/2016	- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2016 của Tổng Giám đốc. - Thông qua việc liên doanh cấp phép mỏ vàng Pác Lạng.
2	08/2016/NQ-HĐQT	05/04/2016	- Thông qua bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. - Chọn ngày chính thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
3	11/NQ-HĐQT	05/04/2016	Thông qua Quy chế tiền lương, quy chế khen thưởng dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm phân kỳ theo tháng.
4	13b/BB-HĐQT	27/04/2016	Thông qua mức lương đóng bảo hiểm xã hội của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
5	17/2016/NQ-HĐQT	05/05/2016	Bầu ông Vũ Phi Hổ giữ chức vụ chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.
6	18a/NQ-HĐQT	06/05/2016	Ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng vay vốn ngân hàng.
7	19/2016/HĐQT-QĐ	23/05/2016	Thành lập Ban kiểm phiếu và Ban giám sát kiểm phiếu để tiến hành kiểm phiếu kết quả phê chuẩn việc Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
8	24/2016/NQ-HĐQT	12/09/2016	Nhận chuyển nhượng phần vốn góp và bổ nhiệm người đại diện theo uỷ quyền.
9	26/2016-HĐQT	15/09/2016	Bãi nhiệm và bổ nhiệm Thư ký công ty, thành lập chi nhánh tại hà Nội
10	28/2016/NQ-	23/09/2016	Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường Niên

	HĐQT		2016 công ty CP bến xe khách Nghệ An
11	30/NQ-HĐQT	29/09/2016	Thay đổi người đại diện quản lý phần vốn góp tại Công ty CP Xi măng Chợ Mới
12	33/2016/NQ-HĐQT	04/10/2016	Mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ
13	36/2016/NQ-HĐQT	07/10/2016	Bổ sung phương án mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ
14	39/2016/NQ-HDQT	17/10/2016	Cử người điều hành Công ty TNHH Việt Trung và uỷ quyền cho Tổng giám đốc ký hợp đồng mua bán hàng hoá
15	41/2016/NQ-HDQT	18/10/2016	Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty CP Bến xe Nghệ An
16	44/2016/NQ-HĐQT	09/11/2016	Huỷ phương án mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ
17	47/2016/NQ-HĐQT	30/11/2016	Ký hợp đồng bán chì tinh luyện 99% với Công ty TNHH Sản xuất và thương mại quốc tế Vũ Hoàng
18	52/2016/NQ-HĐQT	13/12/2016	Cử thêm người đại diện quản lý phần vốn góp tại Công ty TNHH Việt Trung
19	54/2016/NQ-HĐQT	14/12/2016	Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Chi giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc
20	57/2016/NQ-HĐQT	15/12/2016	Mua lại 35% vốn Công ty TNHH Việt Trung thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đồng Tâm
21	59/2016/NQ-HĐQT	15/12/2016	Thế chấp xe ô tô để đảm bảo cho khoản vay tại BIDV Bắc Kạn

Bên cạnh đó HĐQT đã lập báo cáo tình hình quản trị 6 tháng, 1 năm và công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT

3.1. Giám sát, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Với vai trò và trách nhiệm tuyệt đối trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của các cổ đông và của Công ty, HĐQT đã thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ và giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.

3.2. Giám sát Tổng giám đốc Công ty, các cán bộ quản lý.

Thực hiện các quy định tại Điều lệ, pháp luật doanh nghiệp, HĐQT thường xuyên giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT đánh giá Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh; báo cáo kịp thời, đầy đủ các nội dung cần trình HĐQT xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền.

Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết HĐQT, nỗ lực thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 do ĐHĐCĐ phê duyệt.

Tổng giám đốc đã quản lý được những rủi ro trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; nắm bắt xu hướng tăng giá mặt hàng tinh quặng chì, kẽm và có chính sách hợp lý; đàm phán mua thành công công ty TNHH Việt Trung để tăng sản lượng khai thác, ổn định nguồn nguyên liệu, đảm bảo nguồn cung cho nhà máy tuyển.

3.3. Giám sát hoạt động kinh doanh năm 2016:

Bảng 3: Doanh thu, lợi nhuận năm 2016

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch 2016 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2016 (Tỷ đồng)	Mức hoàn thành
1	Tổng doanh thu	144	154	107%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	21,9	1,7	7,8%

Năm 2016 công ty gặp nhiều khó khăn trong sản xuất: nhà máy luyện chì dừng hoạt động do không có chuyên gia nước ngoài vận hành, thiếu nguyên liệu; công ty không được cấp mỏ mới; các mỏ cũ điều kiện khai thác khó khăn, ít quặng. Tổng sản lượng khai thác quặng nguyên khai năm 2016 chỉ đạt 20.681 tấn. Đồng thời do giá tinh quặng chì, kẽm giảm và ở mức thấp trong suốt thời gian từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2016 nên doanh thu từ hoạt động sản xuất đạt khoảng 111 tỷ đồng. Các hoạt động thương mại (mua bán chì thỏi, oxit chì, sunfua chì) đã mang về cho công ty khoản doanh thu hơn 43 tỷ đồng, góp phần đưa doanh thu của Công ty đạt 154 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra. Tuy vậy giá vốn bán hàng tăng cao và phải trích lập dự phòng nhiều nên lợi nhuận của công ty chỉ đạt 1,7 tỷ đồng.

4. Thù lao: Mức chi thù lao HĐQT năm 2016 như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 35.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

1. Tăng cường hoạt động giám sát, đảm bảo Công ty hoạt động đúng pháp luật, Điều lệ.

2. Phối hợp với Ban Điều hành xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

3. Đẩy mạnh công tác giám sát, đôn đốc Ban Điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch cũng như xem xét kịp thời, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và tổ chức nhân sự theo đề nghị của Ban điều hành trên cơ sở thẩm quyền của HĐQT để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

4. Tiếp tục duy trì và nâng cao mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban điều hành phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Vũ Phi Hổ

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BTGĐ;
- BKS:
- VP; TKCT;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨE VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 04 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông !

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn ("BKS") báo cáo kết quả hoạt động năm 2016 như sau:

I. Tình hình chung

Năm 2016 là năm đầu nhiệm kỳ 2016-2021 của BKS và cũng là năm mà hoạt động sản xuất còn nhiều khó khăn như: giá kim loại vẫn ở mức thấp; sản lượng khai thác chưa ổn định và không đạt kế hoạch; tình trạng biến động và thiếu nhận lực kỹ thuật, công nhân hầm lò vẫn diễn ra thường xuyên; chất lượng lao động còn nhiều hạn chế. Tuy vậy, hoạt động sản xuất của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn ("Công ty") vẫn được duy trì và có hiệu quả, đảm bảo được việc làm, thu nhập cho người lao động. Cơ chế tiền lương của khối công nhân trực tiếp sản xuất được cải tiến theo hướng tăng lên. Trình độ, tay nghề, ý thức của người lao động được nâng lên. Hoạt động khai thác từng bước tiếp được đầu tư, nâng cấp theo hướng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa, tiết kiệm năng lượng, phát triển bền vững. Công tác tổ chức nhân sự tiếp tục được kiện toàn.

Trong năm 2016, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Công ty như: Báo cáo hoạt động BKS trong năm 2015 và cả nhiệm kỳ 2011 – 2016 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016; giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị ("HĐQT'), Ban điều hành Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; xem xét thẩm định báo cáo tài chính 2015 đã được kiểm toán; đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2016.

II. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Bảng 1: Kết quả doanh thu, lợi nhuận năm 2016

Stt	Các chỉ tiêu	Năm 2016		Mức hoàn thành (%)
		Kế hoạch (Tỷ đồng)	Thực hiện (Tỷ đồng)	
1	Tổng doanh thu	144	154	107
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	21,9	1,71	7,8

2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2016

2.1. Dự án khai thác mỏ chì, kẽm Nà Bốp – Pù Sáp

Dự án tiếp tục triển khai theo đúng giấy phép cấp mỏ và tổ chức sản xuất khai thác ổn định để cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến hoạt động. Tuy nhiên, do điều kiện địa chất thay đổi nên công tác khai thác gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro trong khai thác; sản lượng và chất lượng quặng không ổn định dẫn đến không đáp ứng đủ nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến hoạt động.

2.2. Dự án khai thác mỏ chì, kẽm Nà Duồng

Do hồ sơ, tài liệu thăm dò không đầy đủ, chính xác, điều kiện địa chất thay đổi nên sau khi triển khai dự án Mỏ Nà Duồng được 01 năm, Công ty vẫn phải sử dụng giải pháp vừa khai thác, vừa tiến hành thăm dò để tìm kiếm các vỉa quặng, ổ quặng nhưng tình hình sản xuất vẫn gặp nhiều khó khăn và không đạt được sản lượng như kỳ vọng. Mỏ Nà Duồng sẽ hết hạn khai thác vào tháng 8/2017, Công ty sẽ lập hồ sơ thăm dò nâng cấp trữ lượng, đưa mỏ vào quy hoạch phân tán nhỏ lẻ và tiếp tục xin cấp phép khai thác.

2.3. Dự án Nhà máy luyện chì:

Sau khi được đầu tư cải tạo và nâng cấp dây chuyền công nghệ hiện đại, Nhà máy luyện chì đã đi vào hoạt động và bước đầu có hiệu quả. Tuy nhiên, Nhà máy phải tạm dừng hoạt động từ tháng 4 năm 2016 do các cơ quan chức năng không cho phép sử dụng lao động nước ngoài. Việc Nhà máy luyện chì tạm dừng hoạt động đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát sinh thêm nhiều chi phí, dây chuyền thiết bị xuống cấp trầm trọng. Gần 100 công nhân lao động không có việc làm, phải nghỉ chờ việc.

2.4. Dây chuyền tuyển nổi quặng chì, kẽm sun fua (Xưởng tuyển nổi)

Hiện nay, Công ty vẫn đang thực hiện hợp đồng cho thuê mặt bằng nhà xưởng (xưởng tuyển nổi) với đối tác là Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã nhằm tăng thu nguồn tài chính cho Công ty. Tuy nhiên, do gặp khó khăn trong khai thác nên sản lượng không đủ cho xưởng tuyển hoạt động hết công suất thiết kế. Nếu xưởng tuyển nổi đủ nguyên liệu để hoạt động ổn định sẽ cung cấp được 50% - 60% nguồn nguyên liệu (tinh quặng 60% Pb) cho Nhà máy luyện chì hoạt động.

Ngoài ra, xưởng tuyển nổi còn sản xuất ra sản phẩm tinh quặng kẽm (50% Zn). Hiện nay, giá kim loại kẽm đang dần phục hồi và nếu duy trì được đà phục hồi thì kết quả sản xuất kinh doanh sẽ khả quan hơn và đảm bảo nguồn tài chính ổn định cho Công ty.

2.5. Một số dự án khác

- Công ty TNHH Việt Trung: Công ty đã mua và trở thành công ty mẹ của công ty TNHH Việt Trung. Hiện nay Công ty TNHH Việt Trung đã bắt đầu triển khai hoạt động và sẽ cung cấp sản lượng quặng không nhỏ về cho Công ty.

- Dự án mỏ Phú Đô: Đang làm thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định.

- Dự án Nhà máy nước khoáng AVA: Đang tạm dừng sản xuất để làm thủ tục xin cấp mỏ.

- Dự án Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn: Công ty đang nghiên cứu công nghệ để khôi phục lại thương hiệu rượu Bó Nặm. Ngoài ra, hiện nay Nhà máy vẫn duy trì sản xuất nước tinh khiết để cung cấp nước uống cho người lao động trong Công ty và tiêu thụ ngoài thị trường. Tuy nhiên, nhìn chung hoạt động hiện nay của Nhà máy vẫn không có hiệu quả.

III. Tình hình tài chính đến 31/12/2016

Trên cơ sở bản Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán, BKS tổng hợp một số kết quả tài chính tính đến thời điểm 31/12/2016 như sau:

Bảng 2: Một số kết quả tài chính tính đến ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/12/2015
1. Tổng tài sản	**249.575.840.179**	**242.024.902.877**
Trong đó:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.730.568.490	1.351.022.482
- Các khoản phải thu ngắn hạn	24.101.055.200	30.965.241.867
- Hàng tồn kho	47.487.017.305	44.777.477.634
- Tài sản ngắn hạn khác	4.741.613.501	7.973.070.889
- Tài sản cố định	53.275.584.455	59.333.120.210
- Các khoản phải thu dài hạn	1.374.184.236	1.057.224.504
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	91.426.254.855	75.350.241.291
- Các khoản đầu tư tài chính	20.187.811.772	16.921.122.401
- Tài sản dài hạn khác	4.251.750.365	4.296.381.599
2. Tổng nguồn vốn	**249.575.840.179**	**242.024.902.877**
Trong đó:		
- Nợ phải trả ngắn hạn	95.353.593.371	87.094.359.616
- Nợ phải trả dài hạn	4.218.000.000	7.018.000.000

- Vốn chủ sở hữu	117.377.280.000	117.377.280.000
- Thặng dư vốn cổ phần	17.052.895.190	17.052.895.190
- Các quỹ khác	13.400.707.544	13.400.707.544
- Lợi nhuận chưa phân phối	2.173.364.074	81.660.527

IV. Công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban tổng giám đốc:

1. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông:

❖ **Đối với HĐQT**

- HĐQT Công ty gồm 05 thành viên. Trong năm 2016, BKS tham dự 100% các cuộc họp của HĐQT. Qua giám sát, BKS đánh giá HĐQT tổ chức triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT. Các vấn đề, nội dung cuộc họp được HĐQT chuẩn bị chu đáo và được thảo luận công khai, biểu quyết thông qua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT.

- Các phiên họp của HĐQT có số thành viên dự họp đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.

❖ **Đối với Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Nội dung chỉ đạo điều hành của Ban Tổng giám đốc tuân thủ đúng các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT. Cụ thể:

- Đã tổ chức thực hiện các nội dung yêu cầu đối với công ty đại chúng;

- Đã nghiên cứu và áp dụng các biện pháp cải tiến trong quản trị doanh nghiệp và quản lý vật tư nguyên, nhiên vật liệu;

- Đã triển khai các giải pháp để đưa Công ty vượt qua khó khăn, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Kết quả sản xuất kinh doanh vẫn duy trì đảm bảo lợi nhuận trong điều kiện giá cả kim loại trên thị trường chưa cao.

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính theo đúng quy định.

- Các số liệu trên sổ sách kế toán chi tiết (sổ cái tài khoản) khớp với sổ kế toán tổng hợp (bảng cân đối kế toán).

- Cuối mỗi tháng, số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng trên sổ sách kế toán của Công ty khớp với số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty trên sổ phụ ngân hàng.

- Công ty đã mở sổ kế toán và sổ quỹ theo đúng quy định hiện hành. Việc ghi chép, cập nhật các phiếu thu, phiếu chi và báo nợ, báo có của ngân hàng được thực hiện được kịp thời, chính xác hàng ngày.

- Việc thu chi tiền mặt và tiền gửi chấp hành đúng quy định.

- Công ty đã mở sổ chi tiết tài sản, báo cáo tăng giảm tài sản cố định (TSCĐ), phản ánh toàn bộ TSCĐ hiện có làm cơ sở trích khấu hao TSCĐ.

- Công ty thực hiện mua sắm TSCĐ theo đúng số lượng, đúng mục đích sử dụng và đảm bảo định mức quy định của HĐQT.

- Công ty thực hiện nghiêm túc việc thuê đơn vị kiểm toán độc lập để soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm đúng quy định đối với công ty đại chúng.

- Các chế độ chính sách của người lao động được đảm bảo và từng bước được cải thiện, nâng cao.

- Người lao động được Công ty đóng đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc; được trả tiền lương, tiền công cơ bản đúng thời hạn.

❖ **Đối với cổ đông:**

Qua công tác giám sát, BKS không phát hiện cổ đông của Công ty vi phạm các quy định của Luật Chứng khoán, vi phạm công bố thông tin. BKS cũng không nhận được bất kỳ khiếu nại nào từ các cổ đông.

2. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Trong quá trình thực hiện chức năng giám sát của mình, BKS luôn nhận được sự phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty. Nhờ có sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác mà Công ty đã vượt qua được khó khăn khủng hoảng, cắt được lỗ và kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm đều có lãi; đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, nhà đầu tư và quyền lợi chính đáng của người lao động.

3. Hoạt động khác của BKS

- Ngày 05/04/2016, BKS đã họp để xem xét thẩm định Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán; cho ý kiến về dự thảo Báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2015 và

cả nhiệm kỳ 2011 – 2016 đồng thời cho ý kiến về việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán để cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2016.

- Ngày 25/05/2016, BKS đã họp để bầu Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2021. Tại cuộc họp ông Nguyễn Thế Phòng được bầu làm Trưởng ban kiểm soát với 2/3 phiếu nhất trí (bằng 66,66%).

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS năm 2016 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 xem xét và cho ý kiến.

Cuối cùng xin chúc quý vị Đại biểu, quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc Công ty thực hiện hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, kế hoạch trong năm 2017. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp ./.

Trân trọng cảm ơn!

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thế Phòng

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BTGĐ;
- TKCT;
- Lưu: BKS.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13 /TTr-HĐQT	*Bắc Kạn, ngày 18 tháng 04 năm 2017*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán.

Căn cứ số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam:

- Lợi nhuận năm 2016 là: **1.710.615.305 đồng** (Một tỷ, bảy trăm mười triệu, sáu trăm mười năm nghìn, ba trăm linh năm đồng).

- Lợi nhuận năm 2015 sau khi bù lỗ chưa phân phối: **462.748.769 đồng** (Bốn trăm sau mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng).

- Tổng lợi nhuận lũy kế tại 31/12/2016: **2.173.364.074 đồng** (Hai tỷ, một trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm bảy mươi bốn đồng).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

Năm 2016 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn khó khăn, hiệu quả sản xuất chưa đạt được kế hoạch và tỷ suất lợi nhuận/vốn góp của chủ sở hữu là 1,46%. Do vậy, đề nghị bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển toàn bộ lợi nhuận lũy kế tại 31/12/2016 là: **2.173.364.074 đồng**. (Hai tỷ, một trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi tư nghìn, không trăm bảy mươi bốn đồng)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét phê duyệt.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Vũ Phi Hổ

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BTGĐ;
- BKS;
- VP; TKCT;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 15 /TTr-HĐQT	*Bắc Kạn, ngày 19 tháng 04 năm 2017*

TỜ TRÌNH
V/v: miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;*
- *Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát của ông Vũ Gia Hạnh;*
- *Căn cứ tình hình thực tế của Công ty,*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với ông Vũ Gia Hạnh.

2. Thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát thay thế cho 01 thành viên đã từ nhiệm.

Trân trọng cảm ơn ! ./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- HĐQT;
- BTGĐ;
- BKS;
- CVP; TKCT.
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 4700149595 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN TP.BẮC KẠN T.BẮC KẠN

Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN **KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2017	*Bắc Kạn, ngày tháng 4 năm 2017*

QUY CHẾ
Về việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn nhiệm kỳ 2016 – 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;

Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn thông báo tới Quý cổ đông một số quy định về việc đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 như sau:

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung: 01 thành viên

2. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử viên

Ứng viên bầu làm thành viên ban kiểm soát phải có các điều kiện và tiêu chuẩn theo Điều 164 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 36 Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

- Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

3. Điều kiện đề cử, ứng cử nhân sự làm thành viên BKS

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền đề cử người vào BKS. Căn cứ số lượng bầu bổ sung thành viên BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nói trên được đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên BKS theo quy định sau: Cổ đông/nhóm cổ đông nắm từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (2) thành viên; từ

30% đến dưới 40% được đề cử ba (3) thành viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử bốn (4) thành viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử năm (5) thành viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thủ tục đề cử, ứng cử

- Đơn ứng cử/đề cử thành viên BKS (*theo mẫu*);

- Biên bản họp nhóm (*nếu cổ đông/nhóm cổ đông đề cử theo mẫu)*

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai có xác nhận *(theo mẫu*) kèm bản sao các giấy tờ sau: CMND/hộ chiếu; các văn bằng, chứng nhận liên quan đến trình độ chuyên môn nghiệp của ứng viên; bản sao hộ chiếu/CMND của người đề cử hoặc người đại diện hợp pháp.

- Giấy uỷ quyền hợp lệ (*nếu cổ đông uỷ quyền cho người khác đề cử*).

5. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Đơn đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai, Ban Tổ chức sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện làm ứng cử viên để bầu vào HĐQT, BKS để trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và tiến hành bỏ phiếu bầu.

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2017	*Bắc Kạn, ngày tháng 4 năm 2017*

QUY CHẾ BẦU CỬ
Thành viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn nhiệm kỳ 2016 - 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;

Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn thông báo tới Quý cổ đông một số quy định về việc bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2016 – 2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 như sau:

1. Nguyên tắc và đối tượng bầu cử

1.1. Nguyên tắc bầu cử:

a. Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ và phù hợp với Quy chế này nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.

b. Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.

1.2. Đối tượng có quyền bầu cử: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/3/2017).

2. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên BKS

2.1. Số lượng kiểm soát viên được bầu bổ sung là 01 thành viên.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên ban kiểm soát phải phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp đã được quy định rõ tại Thông báo bầu bổ sung thành viên BKS của HĐQT Công ty.

3. Danh sách đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS

- Theo danh sách do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tổng hợp, được ĐHĐCĐ thông qua.

- Danh sách được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

4. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số tham dự;

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu Ban Kiểm soát theo mã số tham dự (*sở hữu và được ủy quyền*);

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

- Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp uỷ quyền hợp lệ (có giấy uỷ quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

**** Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ***

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;

- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

- Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.

5. Phương thức bầu

- Theo Điều lệ, việc biểu quyết bầu thành viên ban kiểm soát thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (*bao gồm sở hữu và được ủy quyền*) nhân với số thành viên được bầu làm thành viên ban kiểm soát. **Tại Đại hội thường niên 2017 chỉ bầu 01 thành viên BKS.**

- Tổng số quyền bầu cử cổ đông bầu cho ứng cử viên không được vượt quá tổng số quyền bầu cử của cổ đông/đại diện cổ đông đó; phiếu bầu phải được cổ đông/đại diện cổ đông ký xác nhận và ghi rõ họ tên.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi bỏ phiếu và được kiểm tra với sự chứng kiến của cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

** Cách ghi phiếu bầu:*

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số lượng phiếu muốn bầu vào cột "Số phiếu bầu" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

- Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông điền số "0" hoặc bỏ trống cột "Số phiếu bầu" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào.

- Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào Hòm phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

6. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

6.1. Ban kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
  + Thông qua Quy chế bầu cử;
  + Giới thiệu phiếu và phát phiếu;
  + Tiến hành kiểm phiếu;
  + Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào BKS;

6.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và tiến hành ở một phòng riêng dưới sự giám sát của đại diện cổ đông.

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả trước Đại hội đồng cổ đông, đồng thời cùng với chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông của công ty.

7. Nguyên tắc trúng cử thành viên BKS

- Người trúng cử thành viên ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp.

- Trường hợp có những ứng cử viên đạt tỷ lệ % số cổ đông tín nhiệm ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại.

8. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào BKS;

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

9. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ toạ cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 17 /TTr-HĐQT	*Bắc Kạn, ngày 19 tháng 04 năm 2017*

TỜ TRÌNH

V/v: Góp vốn tham gia thực hiện dự án BT Đường ven sông Đồng Nai

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*
- *Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*
- *Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*
- *Căn cứ Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;*
- *Căn cứ văn bản số 163-TB/TƯ ngày 01/11/2016 của Tỉnh ủy Đồng Nai về việc Thông báo kết luận hội nghị về tình hình triển khai các dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố Biên Hòa;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;*
- *Căn cứ tình hình thực tế của Công ty,*

Vùng đất ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm thuộc địa phận phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế, xã hội, dịch vụ và du lịch nhưng vẫn chưa được đầu tư khai thác hết tiềm năng. Một số khu đô thị mới đang được hình thành, phát triển, tuy nhiên hiện tại chưa có tuyến đường chính kết nối các khu đô thị này với các trục giao thông quan trọng như đường Nguyễn Ái Quốc, đường Huỳnh Văn Nghệ mà chủ yếu kết nối bằng các tuyến đường nhỏ (các tuyến giao thông địa phương), vì vậy không đảm bảo lưu thông và an toàn giao thông khi các khu đô thị này phát triển. Hiện nay, dự án Khu văn hóa - dịch vụ- du lịch phường Bửu Long do Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai đang được đầu tư và khu du lịch Bửu Long hiện đã đưa vào hoạt động, song tiếp tục được đầu tư mở rộng, phát triển. Ngoài ra, các dự án du lịch ven sông Đồng Nai đang được các sở, ngành của tỉnh quan tâm xem xét, đề xuất để triển khai thực hiện, trong đó có tuyến đường dọc sông Đồng Nai. **Tuyến đường dọc sông Đồng Nai mở ra sẽ góp phần nâng cao chất lượng quỹ đất của thành phố đồng thời mở ra con đường huyết mạch gắn kết phát triển kinh tế - xã hội thành phố Biên Hòa với địa bàn huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.**

Do đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị đề xuất Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tham gia đầu tư thực hiện dự án "Đường dọc sông Đồng Nai" với nội dung như sau:

1. **Tên dự án:** Đường dọc sông Đồng Nai

- Chiều dài tuyến: 5.900m, bao gồm các đoạn tuyến sau: Đoạn 1 (tuyến đường chính giáp sông) dài: 5.162m; Đoạn 2 dài: 639m; Đoạn 3 dài: 99m.

- Điểm đầu tuyến: Tại mố A cầu Hoá An, TP. Biên Hoà.

- Điểm cuối tuyến: Giao với đường Huỳnh Văn Nghệ (đoạn vào bến đò Trạm, đối diện với cổng khu du lịch Bửu Long).

2. **Địa điểm thực hiện dự án:** Phường Bửu Long thuộc địa bàn TP. Biên Hòa

3. **Quy mô dự án (theo quy hoạch):**

- **Quy mô mặt cắt ngang:**

+) Đoạn 1 (tuyến đường chính giáp sông):Bề rộng nền đường $B_{nền}$=34m, bề rộng mặt đường $B_{mặt}$=2x10,5m=21m, bề rộng giải phân cách B_{gpc}=1,5m, bề rộng vỉa hè: Phần giáp sông B_{vh}=5m; Phần giáp khu dân cư B_{vh}=6,5m.

+) Đoạn 2: Bề rộng nền đường $B_{nền}$=24m, bề rộng mặt đường $B_{mặt}$=14m, bề rộng vỉa hè B_{vh}=2x5m=10m.

+) Đoạn 3:Bề rộng nền đường $B_{nền}$=12m, bề rộng mặt đường $B_{mặt}$=6m, bề rộng vỉa hè B_{vh}=2x3m=6m.

- **Cấp đường:** Đường trục trục chính khu vực theo tiêu chuẩn TCXDVN104-2007, vận tốc thiết kế Vtk=60km/h.

- **Tải trọng thiết kế:** Tải trọng thiết kế cầu HL93; tải trọng thiết kế đường trục 10T.

- **Công trình trên tuyến:**

+) Thoát nước ngang đường: dùng cống ly tâm 80cmx120cm, cống hộp kích thước khoảng 250x200cm chịu lực H30 để đấu nối thoát nước ra sông Đồng Nai.

+) Thoát nước mưa: dùng cống ly tâm từ 60cm đến 180cm bố trí hai bên đường dọc trên vỉa hè. Hố ga thu nước mặt đặt trên vỉa hè, khoảng cách trung bình giữa các hố ga là 30m. Thân hố ga bằng BTCT đá 1x2 M200 đổ tại chỗ, nắp đan BTCT đá 1x2 M250.

+) Vỉa hè, cây xanh: Vỉa hè trồng cây Dầu hoặc cây Sao, cách khoảng 12m/cây, kết cấu vỉa hè lát gạch Terrazzo 40x40cm; đệm vữa xi măng M75

dày 3cm; BT đá 4x6 MI00 dày 10cm, đắp đất cấp III đầm chặt K>0,95, đắp cát đen đầm chặt K>0,95. Bó vỉa bê tông đá 1x2 M250.

- **Hệ thống an toàn giao thông:** Hệ thống đèn tín hiệu, biển báo an toàn giao thông, công tác sơn phân làn theo quy chuẩn QCVN41:2016.

- **Hệ thống chiếu sáng:** trụ chiếu sáng sử dụng trụ dạng côn tròn cao 6m bằng sắt mạ kẽm. Cần đèn bằng ống sắt tráng kẽm vươn xa 1,5m. Chiều cao đèn 8m so với mặt đường. Bóng đèn sử dụng loại đèn cao áp Sodium, dây dẫn sử dụng cáp ngầm được luồn trong các ống nhựa PVC.

- **Các công trình cầu trên tuyến gồm:** 01 cầu Rạch Lung tại Km 0+355. Cầu gồm một nhịp giản đơn dài 24,54m. Khổ cầu rộng bằng khổ nền đường B=34m.

4. Phần đất tạo vốn dự kiến: 23,8 ha.

Bao gồm đoạn từ Km0-Km2+200 là 3,02ha; đoạn Km2+200 – Km3+180 là 6,93ha; đoạn Km3+180 về cuối tuyến Km5+162 dự kiến là 13,85ha (bao gồm phần đất dành cho xây dựng khu tái định cư).

Diện tích phần đất thu hồi dự kiến dọc theo tuyến đường để tạo vốn quỹ đất.

5. Giá trị diện tích đất tạo vốn dự kiến:

STT	Nội dung	Giá trị (tạm tính)
1	Phần đất mặt tiền (80% đất ở dự án)	1.590 tỷ đồng
2	Khu đất phía sau (50% đất ở, 50% xây dựng hạ tầng	370 tỷ đồng
3	**Tổng cộng**	**1.960 tỷ đồng**
Bằng chữ: Một nghìn, chín trăm sáu mươi tỷ đồng		

6. Tổng mức đầu tư dự án

STT	Nội dung	Chi phí (khái toán)
1	Tổng mức dự toán xây dựng tuyến đường	974 tỷ đồng
2	Chi phí giải phóng mặt bằng các khu đất tạo vốn	558 tỷ đồng
3	Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng khu TĐC	250 tỷ đồng
4	**Tổng mức đầu tư**	**1.782 tỷ đồng**
Bằng chữ: Một nghìn, bảy trăm tám mươi hai tỷ đồng		

7. Hình thức đầu tư:

Đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng BT): là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây

dựng công trình kết cấu hạ tầng. Nhà đầu tư chuyển giao công trình cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được thanh toán bằng quỹ đất để thực hiện dự án khác.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn cùng với các cổ đông khác thành lập một Công ty Cổ phần BT để thực hiện dự án. Tổng vốn điều lệ và cơ cấu góp vốn dự kiến ban đầu như sau:

STT	Cổ đông	Vốn góp (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
1.	Công ty CP Bến xe Nghệ An	140	40,00
2.	Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn	100	28,57
3.	Công ty CP Kim loại màu Bắc bộ	50	14,29
4.	Công ty CP Bến xe Quảng Ninh	40	11,43
5.	Công ty TNHH Sản xuất và thương mại quốc tế Vũ Hoàng	20	5,71
Tổng cộng		**350**	**100**

Đây là phần vốn chủ sở hữu để đảm bảo tính khả thi của dự án và phù hợp với các quy định của pháp luật về dự án BT. Phần còn lại sẽ được vay ngân hàng và/hoặc phát hành cổ phiếu, trái phiếu, kêu gọi thêm các nhà đầu tư khác.

Dự án Đường ven sông Đồng Nai là một dự án trọng điểm của tỉnh Đồng Nai và có tính khả thi cao, mang lại lợi nhuận và danh tiếng cho Công ty. Vậy, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc góp vốn tham gia đầu tư vào dự án này. Đồng thời Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động quyết định các nội dung liên quan tới dự án thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BTGĐ;
- BKS;
- VP; TKCT;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 4700149595 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
TP. BẮC KẠN T. BẮC KẠN

Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14 /TTr – HĐQT	*Bắc Kạn, ngày 18 tháng 04 năm 2017*

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ vào thực tế hoạt động của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị:

1.1. Tổng mức thù lao HĐQT năm 2016 là: 980.000.000 đồng, cụ thể:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2016			Ghi chú
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)	
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	01	35.000.000	4	140.000.000	Ô. Mai Văn Bản (T1-T4)
2	Chủ tịch HĐQT	01	35.000.000	8	280.000.000	Ô. Vũ Phi Hồ (T5-T12)
3	Phó chủ tịch HĐQT	01	30.000.000	4	120.000.000	Ô. Vũ Phi Hồ (T1-T4)
4	Thành viên HĐQT	03	10.000.000	12	360.000.000	Ô.Đinh Văn Hiến, Ô.Nguyễn Huy Hoàn, Ô. Mai Thanh Sơn (T1-T12)
5	Thành viên HĐQT	01	10.000.000	8	80.000.000	Ô.Nguyễn Trần Nhất (T5-12)
Tổng cộng					**980.000.000 đồng**	

1.2. Đề xuất mức thù lao Hội đồng quản trị năm 2017 như sau:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2017		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	01	35.000.000	12	420.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	10.000.000	12	480.000.000
Tổng cộng					**900.000.000**

2. Thù lao Ban kiểm soát:

2.1. Tổng mức thù lao BKS năm 2016 là: 120.000.000 đồng, cụ thể:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2016			Ghi chú
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)	
1	Trưởng ban BKS	01	6.000.000	4	24.000.000	Ô. Vũ Gia Hạnh (T1-T4)
2	Trưởng ban BKS	01	4.000.000	8	32.000.000	Ô. Nguyễn Thế Phòng (T5-T12)
3	Thành viên BKS	02	2.000.000	4	16.000.000	Ô.Nguyễn Thế Phòng, Ô.Đặng Thanh Vân (T1-T4)
4	Thành viên BKS	02	3.000.000	8	48.000.000	Ô.Vũ Gia Hạnh, Ô.Đặng Thanh Vân (T5-T12)
Tổng cộng					**120.000.000 đồng**	

2.2. Đề xuất mức thù lao Ban kiểm soát năm 2017 như sau:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao 2017		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Trưởng ban BKS	01	4.000.000	12	48.000.000
2	Thành viên BKS	02	3.000.000	12	72.000.000
	Tổng cộng				**120.000.000**

3. Đề xuất mức thù lao Thư ký công ty là: 3.000.000 đồng/tháng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
M.S.D.N: 4700149595 - C.T.C.P
TP.BẮC KẠN T.BẮC KẠN

Vũ Phi Hổ

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BTGĐ;
- BKS:
- VP; TKCT;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN **BAN KIỂM SOÁT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨE VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày 04 tháng 04 năm 2017

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;*

Ban kiểm soát ("BKS") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2017 của Công ty như sau:

1. Đề xuất về tiêu chí lựa chọn

BKS đề xuất với ĐHĐCĐ các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Chọn một đơn vị kiểm toán có uy tín, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;

- Là đơn vị có đội ngũ kiểm toán viên có năng lực, trình độ, nhiều kinh nghiệm kiểm toán Báo cáo tài chính theo quy định của các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam;

- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty;

- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi, tiến độ kiểm toán và các điều kiện, mục tiêu phù hợp khác theo yêu cầu của Công ty.

2. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau

Với các tiêu chí lựa chọn nêu trên, BKS đề nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2017 của Công ty trên cơ sở đề xuất cụ thể của BKS.

3. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

BKS kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2017 của Công ty.

Trên đây là ý kiến đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017. Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của Công ty xem xét và thông qua ./.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BTGĐ;
- TKCT;
- Lưu: BKS.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thế Phòng

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 28 tháng 05 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 ngày 28/5/2015 là 117.377.280.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Trụ sở chính của Công ty tại: tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Mai Văn Bản	Chủ tịch	Hết nhiệm kỳ ngày 28/4/2016
	Ông Vũ Phi Hổ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/05/2016
	Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên	
	Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên	
	Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên	
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/4/2016

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Phi Hổ	Tổng Giám đốc	
	Ông Đinh Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Tiến Biền	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Văn Chi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/12/2016

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng năm kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Vũ Phi Hổ
Tổng Giám đốc
Bắc Kạn, ngày 27 tháng 3 năm 2017

CPA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
T +84 (4) 3 783 2121
F +84 (4) 3 783 2122
E info@cpavietnam.vn
W www.cpavietnam.vn

Số: 322/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, được lập ngày 27/3/2017, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT

Đinh Văn Thắng	**Nguyễn Thị Mai Hoa**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

		MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**79.060.254.496**	**85.066.812.872**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**2.730.568.490**	**1.351.022.482**
1.	Tiền	111		2.730.568.490	1.351.022.482
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**24.101.055.200**	**30.965.241.867**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	20.677.348.598	27.447.319.891
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.240.437.147	1.881.099.593
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	5.498.682.463	4.527.223.003
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(4.315.413.009)	(2.890.400.620)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**47.487.017.305**	**44.777.477.634**
1.	Hàng tồn kho	141	5.5	47.487.017.305	44.777.477.634
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**4.741.613.501**	**7.973.070.889**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	4.560.281.623	7.436.603.753
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		61.521.899	536.467.136
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	119.809.979	-
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**170.515.585.683**	**156.958.090.005**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**1.374.184.236**	**1.057.224.504**
6.	Phải thu dài hạn khác	216	5.3	1.374.184.236	1.057.224.504
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**53.275.584.455**	**59.333.120.210**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	52.650.078.853	58.566.935.932
	- Nguyên giá	*222*		*122.353.183.914*	*120.375.769.103*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(69.703.105.061)*	*(61.808.833.171)*
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.7	625.505.602	766.184.278
	- Nguyên giá	*228*		*1.845.379.086*	*1.845.379.086*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(1.219.873.484)*	*(1.079.194.808)*
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**91.426.254.855**	**75.350.241.291**
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	91.426.254.855	75.350.241.291
V.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**5.9**	**20.187.811.772**	**16.921.122.401**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		7.519.200.000	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.205.922.401	6.205.922.401
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.365.416.075	13.365.416.075
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.902.726.704)	(2.650.216.075)
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**4.251.750.365**	**4.296.381.599**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	4.251.750.365	4.296.381.599
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**249.575.840.179**	**242.024.902.877**

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

		MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**99.571.593.371**	**94.112.359.616**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**95.353.593.371**	**87.094.359.616**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	7.152.754.103	13.587.484.236
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.547.399.505	705.614.177
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	5.838.313.586	1.861.113.155
4.	Phải trả người lao động	314		5.204.718.677	6.173.241.362
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	651.934.595	509.872.805
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	15.650.224.307	12.296.432.999
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	53.231.707.848	51.880.760.132
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		76.540.750	79.840.750
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**4.218.000.000**	**7.018.000.000**
7.	Phải trả dài hạn khác	337	5.14	18.000.000	18.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	4.200.000.000	7.000.000.000
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)**	**400**		**150.004.246.808**	**147.912.543.261**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.16**	**150.004.246.808**	**147.912.543.261**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*117.377.280.000*	*117.377.280.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
7.	Quỹ đầu tư phát triển	418		13.400.707.544	13.400.707.544
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.173.364.074	81.660.527
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*462.748.769*	*(20.612.131.004)*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*1.710.615.305*	*20.693.791.531*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)		**440**		**249.575.840.179**	**242.024.902.877**

Bắc Kạn, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Yến	Nguyễn Văn Chi	Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	154.082.535.912	126.899.615.393
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		154.082.535.912	126.899.615.393
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.18	133.681.890.767	94.257.992.326
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**20.400.645.145**	**32.641.623.067**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	27.291.509	555.073.390
7.	Chi phí tài chính	22	5.20	9.245.933.195	4.634.761.690
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*4.993.422.566*	*3.781.945.615*
8.	Chi phí bán hàng	25	**5.21**	-	53.537.641
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	**5.21**	12.227.400.913	9.650.101.021
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**(1.045.397.454)**	**18.858.296.105**
11.	Thu nhập khác	31	5.22	5.001.870.715	5.011.122.312
12.	Chi phí khác	32	5.22	2.245.857.957	2.409.299.921
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**5.22**	**2.756.012.758**	**2.601.822.391**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)**	**50**		**1.710.615.305**	**21.460.118.496**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	-	381.088.342
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	385.238.623
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**1.710.615.305**	**20.693.791.531**

Bắc Kạn, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Yến	Nguyễn Văn Chi	Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
M.S.D.N: 4700149595 - C.T.C.P - TP. BẮC KẠN T. BẮC KẠN

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1		2	4	5
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	**01**	**1.710.615.305**	**21.460.118.496**
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***			
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	8.865.800.472	7.886.835.848
	- Các khoản dự phòng	03	5.677.523.018	845.359.375
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(27.291.509)	(555.073.390)
	- Chi phí lãi vay	06	4.993.422.566	3.781.945.615
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	**08**	**21.220.069.851**	**33.419.185.944**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.477.349.805	6.291.276.785
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.709.539.671)	(1.784.979.020)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	7.528.400.733	(6.538.740.699)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.920.953.364	(2.462.422.564)
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.851.360.776)	(3.394.440.077)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(381.088.242)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**29.204.785.064**	**25.529.880.369**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18.884.278.281)	(47.122.375.778)
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.519.200.000)	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.291.509	555.073.390
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(26.376.186.772)**	**(46.567.302.388)**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
3.	Tiền thu từ đi vay	33	112.644.410.468	98.877.634.208
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(114.093.462.752)	(78.247.179.195)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(1.449.052.284)**	**20.630.455.013**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**	**1.379.546.008**	**(406.967.006)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**1.351.022.482**	**1.757.989.488**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**2.730.568.490**	**1.351.022.482**

Bắc Kạn, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Yến	Nguyễn Văn Chi	Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
M.S.D.N: 4700149595 - C.T.C.P
TP.BẮC KẠN T.BẮC KẠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 28 tháng 05 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 ngày 28/5/2015 là 117.377.280.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

Trụ sở chính của Công ty tại tổ 4 phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Nghành nghề kinh doanh: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại và quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Khai thác đá, cát , sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản hoa quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc thiết và phụ tùng máy khác, Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng , vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ . chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, Chi tiết: thăm dò khoáng sản ; Chưng , tinh cất và pha chế rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại đen, kim loại màu và kim loại quý hiếm; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nước giải khát,....

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tờ khai áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương tại ngày 31/12/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính .

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2016	Ngân hàng Thương mại CP Công thương	22.710 VND/USD	22.780 VND/USD

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

  Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

  Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

  Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

  Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

  Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2016
	Thời gian khấu hao
	(Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05- 06

TSCĐ vô hình bao gồm quyền khai thác nước khoáng, chi phí sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Thời gian khấu hao cụ thể:

	Năm 2016
	Số năm
Quyền khai thác nước khoáng	05
Chi phí sử dụng đất	20

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 02 đến 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mức kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí lãi vay, chi phí bản quyền trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư…,) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

  Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là khai thác bán khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán mặt hàng nước, rượu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	2.330.665.679	1.310.020.733
Tiền gửi ngân hàng	399.902.811	41.001.749
Tổng	**2.730.568.490**	**1.351.022.482**

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**20.677.348.598**	**27.447.319.891**
Công ty cổ phần kim loại màu Bắc Bộ	-	13.532.077.193
Công ty TNHH dịch vụ ANB	9.270.000.000	9.970.000.000
Công ty CPĐT TM & DL Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã	5.005.569.860	2.404.856
Công ty TNHH TM quốc tế Vũ Hoàng	2.071.139.998	-
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	1.440.238.120	1.052.437.222
Trong đó phải thu các bên liên quan	4.961.540.618	2.890.400.620
Công ty CPĐT TM & DL Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH TM quốc tế Vũ Hoàng	2.071.139.998	-
Tổng	**20.677.348.598**	**27.447.319.891**

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**5.498.682.463**	-	**4.527.223.003**	-
Công ty LD Kim loại màu Việt Bắc	462.590.470	-	462.590.470	-
Bếp ăn Nà Bốp		-	230.698.800	-
Cty TNHH tập đoàn Thiên mã	185.269.614	-	185.269.614	-
- Phải thu khác	1.408.936.006	-	1.812.724.205	-
- Tạm ứng	1.441.886.373	-	1.575.939.914	-
- Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	130.000.000	-
Dài hạn	**1.374.184.236**	-	**1.057.224.504**	-
- Ký cược, ký quỹ	1.374.184.236	-	1.057.224.504	-
Tổng	**6.872.866.699**	-	**5.584.447.507**	-

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	4.315.413.009	-	2.890.400.620	-
Trong đó:				
	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn từ 1-2 năm	Quá hạn từ 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty CPĐT TM & DL Bó Nặm	-	-	-	2.890.400.620
Các đối tượng khác	-		-	1.425.012.389

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	60.084.140	-	60.084.140	-
Nguyên liệu, vật liệu	11.844.391.283	-	12.067.474.137	-
Công cụ, dụng cụ	1.785.001.875	-	1.616.135.687	-
Chi phí SX KDDD	3.573.367.360	-	15.183.190.138	-
Thành phẩm	30.048.219.019	-	15.674.205.415	-
Hàng hóa	62.992.985	-	63.427.474	-
Hàng gửi bán	112.960.643	-	112.960.643	-
Tổng	**47.487.017.305**	-	**44.777.477.634**	-

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2016	**40.605.179.400**	**71.303.122.225**	**6.174.237.391**	**405.266.569**	**1.887.963.518**	**120.375.769.103**
Tăng trong năm	**-**	**2.313.438.210**	**484.835.504**	**-**	**44.700.000**	**2.842.973.714**
Mua trong năm		2.313.438.210	484.835.504	-	44.700.000	2.842.973.714
Giảm trong năm	**-**	**37.853.400**	**827.695.454**	**-**	**10.049**	**865.558.903**
Thanh lý, nhượng bán	-		827.695.454		-	827.695.454
Điều chuyển, phân loại lại	-	37.853.400		-	10.049	37.863.449
Điều chuyển nội bộ	-					-
Số dư tại 31/12/2016	**40.605.179.400**	**73.578.707.035**	**5.831.377.441**	**405.266.569**	**1.932.653.469**	**122.353.183.914**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2016	**20.558.282.002**	**34.467.510.391**	**4.489.810.691**	**405.266.569**	**1.887.963.518**	**61.808.833.171**
Tăng trong năm	**2.649.959.131**	**5.797.952.234**	**275.472.098**	**-**	**1.738.333**	**8.725.121.796**
Khấu hao trong năm	2.649.959.131	5.797.952.234	275.472.098	-	1.738.333	8.725.121.796
Giảm trong năm	**-**	**3.154.452**	**827.695.454**	**-**	**-**	**830.849.906**
Thanh lý, nhượng bán	-		827.695.454		-	827.695.454
Điều chuyển, phân loại lại		3.154.452				3.154.452
Số dư tại 31/12/2016	**23.208.241.133**	**40.262.308.173**	**3.937.587.335**	**405.266.569**	**1.889.701.851**	**69.703.105.061**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2016	**20.046.897.398**	**36.835.611.834**	**1.684.426.700**	**-**	**-**	**58.566.935.932**
Tại 31/12/2016	**17.396.938.267**	**33.316.398.862**	**1.893.790.106**	**-**	**42.951.618**	**52.650.078.853**

Trong đó:

Công ty đã thế chấp nhà xưởng và một số phương tiện với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 41.938.307.972 VND (năm 2015: 40.934.411.875 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 39.876.839.132 VND (năm 2015: 37.446.406.833 VND).

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2016	**1.111.264.959**	**734.114.127**	**1.845.379.086**
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	**1.111.264.959**	**734.114.127**	**1.845.379.086**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2016	**514.996.240**	**564.198.568**	**1.079.194.808**
Tăng trong năm	**79.502.496**	**61.176.180**	**140.678.676**
Khấu hao trong năm	79.502.496	61.176.180	140.678.676
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	**594.498.736**	**625.374.748**	**1.219.873.484**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	**596.268.719**	**169.915.559**	**766.184.278**
Tại 31/12/2016	**516.766.223**	**108.739.379**	**625.505.602**

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
Nhà máy xử lý chất thải rắn	9.142.124.595	9.142.124.595	9.142.124.595	9.142.124.595
Đầu tư mỏ Nà Bốp - Pù Sáp	61.463.938.011	61.463.938.011	45.327.924.447	45.327.924.447
Dự án mỏ Vàng Pắc Lạng	4.095.190.347	4.095.190.347	4.155.190.347	4.155.190.347
Đường, cổng, sân, đập, trạm bơm xưởng tuyển	2.730.345.841	2.730.345.841	2.730.345.841	2.730.345.841
Dự án Nhà máy xi măng Chợ Mới	2.639.741.198	2.639.741.198	2.639.741.198	2.639.741.198
Điểm mỏ chì kẽm Nà Duồng, Tủm Tó	4.483.703.884	4.483.703.884	4.483.703.884	4.483.703.884
Mở rộng Nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Sửa chữa lớn Xí nghiệp tuyển quặng	1.600.299.829	1.600.299.829	1.600.299.829	1.600.299.829
Chi phí đào lò 313 và Boong ke 320, lò 326	1.030.617.713	1.030.617.713	1.030.617.713	1.030.617.713
Sửa chữa lớn XN bột kẽm ôxít	286.617.446	286.617.446	286.617.446	286.617.446
Nhà máy luyện chì	1.081.850.770	1.081.850.770	1.081.850.770	1.081.850.770
Xưởng in phun mờ chai	109.286.614	109.286.614	109.286.614	109.286.614
Các công trình khác	1.173.037.643	1.173.037.643	1.173.037.643	1.173.037.643
Tổng	**91.426.254.855**	**91.426.254.855**	**75.350.241.291**	**75.350.241.291**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Các khoản đầu tư dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2016			01/01/2016		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con			**7.519.200.000**	**(4.481.640.123)**		-	-	-
Công ty TNHH Việt Trung	65%	65%	7.519.200.000	(4.481.640.123)		-	-	
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			**6.205.922.401**	**(1.475.086.581)**		**6.205.922.401**	-	
Đầu tư vào Công ty liên doanh								
Công ty CP Đầu tư TM và Du lịch Bó Nặm	26,5%	26,5%	1.475.086.581	(1.475.086.581)		1.475.086.581	-	
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn - Lào	23%	23%	4.730.835.820	-		4.730.835.820	-	
Đầu tư vào đơn vị khác			**13.365.416.075**	**(946.000.000)**		**13.365.416.075**	**(2.650.216.075)**	
Tổng Công ty Cổ phần khoáng sản Luyện kim Bắc Kạn			120.000.000	-		120.000.000	-	
Công ty cổ phần bến xe khách Nghệ An			13.245.416.075	(946.000.000)		13.245.416.075	(2.650.216.075)	
Tổng			**27.090.538.476**	**(6.902.726.704)**	**(*)**	**19.571.338.476**	**(2.650.216.075)**	**(*)**

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	**4.560.281.623**	**7.436.603.753**
Chi phí CCDC,VT chờ phân bổ	1.973.421.720	5.371.345.234
Chi phí nhà máy luyện chì	2.311.910.488	2.065.258.519
Chi phí xí nghiệp Chợ Đồn	176.564.593	-
Sửa chữa lò quay xí nghiệp bột kẽm	98.384.822	-
Dài hạn	**4.251.750.365**	**4.296.381.599**
Chi phí chờ phân bổ Văn phòng	884.841.171	884.841.171
Chi phí chạy thử nhà máy luyện chì	947.267.311	1.894.534.622
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.419.641.883	1.517.005.806
Tổng	**8.812.031.988**	**11.732.985.352**

5.11 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	**7.152.754.103**	**7.152.754.103**	**13.587.484.236**	**13.587.484.236**
Công ty TNHH Vũ Hoàng	474.523.222	474.523.222	474.523.222	474.523.222
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	2.435.003.569	2.435.003.569	5.243.890.109	5.243.890.109
Phải trả người bán ngắn hạn khác	4.243.227.312	4.243.227.312	7.869.070.905	7.869.070.905
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	**7.152.754.103**	**7.152.754.103**	**13.587.484.236**	**13.587.484.236**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Thuế và các khoản thu, phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
Phải nộp	**1.861.113.155**	**12.859.279.671**	**8.882.079.240**	**5.838.313.586**
Thuế giá trị gia tăng	-	6.679.861.110	4.570.401.399	2.109.459.711
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.181.800	28.825.674	12.008.924	22.998.550
Thuế thu nhập doanh nghiệp	782.871.319	(381.088.242)	381.088.242	20.694.835
Thuế thu nhập cá nhân	185.238.456	23.895.864	157.222.035	51.912.285
Thuế tài nguyên	207.535.500	2.386.143.262	1.479.663.863	1.114.014.899
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	244.595.080	363.972.644	303.220.002	305.347.722
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	19.620.000	33.366.759	52.986.759	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	415.071.000	3.724.302.600	1.925.488.016	2.213.885.584
Phải thu	**-**	**132.520.229**	**252.330.208**	**119.809.979**
Thuế thu nhập cá nhân	-	132.520.229	252.330.208	119.809.979

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	**651.934.595**	**509.872.805**
Chi phí lãi vay	651.934.595	509.872.805
Dài hạn	**-**	**-**
Tổng	**651.934.595**	**509.872.805**

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	**15.650.224.307**	**12.296.432.999**
Kinh phí công đoàn	1.484.631.310	1.385.840.937
Bảo hiểm xã hội	84.380.710	1.687.627.081
Bảo hiểm y tế	2.962.700	751.938.931
Bảo hiểm thất nghiệp	2.579.220	333.337.346
Phải trả về cổ phần hóa	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		-
Phải trả, phải nộp khác	8.613.835.967	1.775.854.304
- Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (*)	1.550.000.000	2.450.000.000
- Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (**)	3.911.834.400	3.911.834.400
Dài hạn	**18.000.000**	**18.000.000**
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	18.000.000	18.000.000
Tổng	**15.668.224.307**	**12.314.432.999**

(*): Tiền đặt cọc theo thỏa thuận đầu tư khai thác tại mỏ vàng Pắc Lạng

(**): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/03/2008 giữa Công ty với Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc, mục đích xây dựng Nhà máy Luyện chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Vay	31/12/2016		Phát sinh trong kỳ		1/1/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**53.231.707.848**	**53.231.707.848**	**114.044.410.468**	**112.693.462.752**	**51.880.760.132**	**51.880.760.132**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Kạn	14.545.224.180	14.545.224.180	39.950.774.058	40.397.525.580	14.991.975.702	14.991.975.702
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Kạn	27.289.141.204	27.289.141.204	69.613.636.410	72.295.937.172	29.971.441.966	29.971.441.966
Vũ Phi Hổ	2.430.000.000	2.430.000.000	80.000.000	-	2.350.000.000	2.350.000.000
Bùi Mạnh Cường	4.850.000.000	4.850.000.000	3.000.000.000	-	1.850.000.000	1.850.000.000
Mai Thanh Sơn	2.605.342.464	2.605.342.464	-	-	2.605.342.464	2.605.342.464
Vay ngắn hạn XN Chợ Đồn	30.000.000	30.000.000	-	-	30.000.000	30.000.000
Vay ngắn hạn CNTN	82.000.000	82.000.000	-	-	82.000.000	82.000.000
- Các khoản đi vay dài hạn đến hạn trả					-	-
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bắc Kạn	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-	-
Vay dài hạn	**4.200.000.000**	**4.200.000.000**	**-**	**2.800.000.000**	**7.000.000.000**	**7.000.000.000**
- Từ 12 tháng - 60 tháng						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Kạn (*)	4.200.000.000	4.200.000.000	-	2.800.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Tổng	**57.431.707.848**	**57.431.707.848**	**114.044.410.468**	**115.493.462.752**	**58.880.760.132**	**58.880.760.132**

(*)Hợp động tín dụng số 01.07/2015 ngày 29/07/2015; hạn mức tín dụng 7.000.000.000 đồng; Các khoản nợ sẽ được bên vay dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: dự án cải tạo nhà máy luyện chì công suất 5.000 tấn/ năm tại xã Lũng Váng, Huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; Thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 10,5%/năm; hình thức đảm bảo thế chấp bằng tài sản: Thiết bị chủ thể lò luyện số 012505/HĐMB/2015 ngày 25/5/2015; Thiết bị mua bán chủ thể máy sấy số 022505/HĐMB/2015 ngày 25/5/2015; Lò luyện chì công suất: 15 tấn / ngày; Lò thiêu kết tinh quặng chì HWLY 2,4mx 30,01 công suất 50 tấn/ ngày.

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	**117.377.280.000**	**17.052.895.190**	**13.400.707.544**	**(20.612.131.004)**	**127.218.751.730**
Lãi trong năm trước	-	-	-	20.693.791.531	**20.693.791.531**
Số dư tại 31/12/2015	**117.377.280.000**	**17.052.895.190**	**13.400.707.544**	**81.660.527**	**147.912.543.261**
Số dư tại 01/01/2016	**117.377.280.000**	**17.052.895.190**	**13.400.707.544**	**81.660.527**	**147.912.543.261**
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.710.615.305	**1.710.615.305**
Tăng khác	-	-	-	381.088.242	**381.088.242**
Số dư tại 31/12/2016	**117.377.280.000**	**17.052.895.190**	**13.400.707.544**	**2.173.364.074**	**150.004.246.808**

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	117.377.280.000	117.377.280.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	117.377.280.000	117.377.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành	**11.737.728**	**11.737.728**
Số lượng cổ phiếu phát hành	**11.737.728**	**11.737.728**
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành	**11.737.728**	**11.737.728**
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	154.082.535.912	126.899.615.393
Tổng	**154.082.535.912**	**126.899.615.393**

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	133.681.890.767	94.257.992.326
Tổng	**133.681.890.767**	**94.257.992.326**

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.291.509	555.073.390
Tổng	**27.291.509**	**555.073.390**

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	4.993.422.566	3.781.945.615
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.252.510.629	852.816.075
Tổng	**9.245.933.195**	**4.634.761.690**

5.21 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí bán hàng	**-**	**53.537.641**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	53.537.641
Chi phí quản lý	**12.227.400.913**	**9.650.101.021**
Chi phí nhân viên quản lý	7.547.565.144	6.560.109.713
Chi phí vật liệu quản lý		
Chi phí đồ dùng văn phòng	110.418.532	21.315.201
Chi phí khấu hao TSCĐ	176.010.338	562.143.791
Thuế phí và lệ phí	118.583.253	47.121.844
Chi phí dự phòng		-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	910.233.806	1.071.705.046
Chi phí bằng tiền khác	1.939.577.451	1.395.162.126
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	**1.425.012.389**	**(7.456.700)**
Chi phí dự phòng phải thu	1.425.012.389	(7.456.700)
Tổng	**12.227.400.913**	**9.703.638.662**

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập khác		
Thu cho thuê văn phòng, xưởng	4.545.454.548	4.860.477.648
Thanh lý tài sản	409.090.909	-
Bán vật tư, CCDC	7.988.800	10.080.020
Thu nhập khác	39.336.458	140.564.644
Tổng	**5.001.870.715**	**5.011.122.312**
Chi phí khác		
Khấu hao TSCĐ cho thuê	767.317.669	963.312.768
Lãi chậm nộp	663.143.126	226.273.170
Chi phí khác	815.397.162	1.219.713.983
Tổng	**2.245.857.957**	**2.409.299.921**
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	**2.756.012.758**	**2.601.822.391**

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	381.088.342
Tổng	**-**	**381.088.342**

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.569.692.198	25.444.109.311
Chi phí nhân công	48.073.454.933	41.135.145.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.013.096.138	8.865.800.472
Thuế, chí lệ phí	14.043.132.665	-
Chi phí dự phòng	1.425.012.389	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.300.387.906	32.168.367.002
Chi phí khác bằng tiền	1.986.777.451	6.563.180.720
Tổng	**130.411.553.680**	**114.176.602.603**

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hội đồng Quản trị	Lương và thù lao	2.350.453.631	1.283.687.835
Tổng		**2.350.453.631**	**1.283.687.835**

Số dư các bên liên quan

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty CP Đầu tư Thương mại & Du Lịch Bó Nặm	Mua thành phẩm	2.890.400.620	2.897.857.320

6.2 Báo cáo bộ phận

Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là khai và chế biến khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

6.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Bắc Kạn, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Yến	Nguyễn Văn Chi	Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
M.S.D.N: 4700149595 - C.T.C.P
TP.BẮC KẠN T.BẮC KẠN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bắc Kạn - Tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 11/10/2016 đến ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 28 tháng 05 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 ngày 28/5/2015 là 117.377.280.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Trụ sở chính của Công ty tại: tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Mai Văn Bản	Chủ tịch	Hết nhiệm kỳ ngày 28/4/2016
	Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/05/2016
	Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên	
	Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên	
	Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên	
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/4/2016

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Phi Hồ	Tổng Giám đốc	
	Ông Đinh Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Tiến Biền	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Văn Chi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/12/2016

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 11/10/2016 đến ngày 31/12/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 11/10/2016 đến ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,

M.S.D.N: 4700149595 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN TP. BẮC KẠN T. BẮC KẠN

Vũ Phi Hổ
Tổng Giám đốc
Bắc Kạn, ngày 28 tháng 3 năm 2017

CPA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
T +84 (4) 3 783 2121
F +84 (4) 3 783 2122
E info@cpavietnam.vn
W www.cpavietnam.vn

Số: 326/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 11/10/2016 đến ngày 31/12/2016
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, được lập ngày 28/3/2017 từ trang 05 đến trang 30 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 11/10/2016 đến ngày 31/12/2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ tài chính từ ngày 11/10/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Đinh Văn Thắng	**Nguyễn Thị Mai Hoa**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	11/10/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**95.727.304.934**	**107.729.404.043**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**8.731.369.411**	**7.132.572.645**
1. Tiền	111		8.731.369.411	7.132.572.645
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**28.331.930.525**	**37.548.106.673**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	20.677.348.598	31.906.704.599
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.440.437.147	4.117.149.676
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	5.600.600.549	4.414.653.018
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(4.315.413.009)	(2.890.400.620)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.928.957.240	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**5.5**	**48.743.788.288**	**55.429.139.756**
1. Hàng tồn kho	141		49.054.294.443	55.739.645.911
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(310.506.155)	(310.506.155)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**9.920.216.710**	**7.619.584.969**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	9.416.859.580	7.284.904.013
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		286.282.001	237.415.806
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	213.075.129	93.265.150
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		4.000.000	4.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**170.330.962.975**	**172.014.100.312**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.432.217.000**	**1.421.004.419**
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	1.432.217.000	1.421.004.419
II. Tài sản cố định	**220**		**54.419.564.305**	**54.822.007.574**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	53.617.782.533	53.973.051.933
- Nguyên giá	*222*		*133.486.064.798*	*132.362.024.987*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(79.868.282.265)*	*(78.388.973.054)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	801.781.772	848.955.641
- Nguyên giá	*228*		*2.085.463.086*	*2.085.463.086*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(1.283.681.314)*	*(1.236.507.445)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**92.204.505.660**	**87.791.546.811**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	92.204.505.660	87.791.546.811
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.9**	**17.150.251.895**	**19.002.322.401**
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.730.835.820	6.205.922.401
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.365.416.075	13.365.416.075
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(946.000.000)	(569.016.075)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**5.124.424.115**	**8.977.219.107**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	4.251.750.365	8.082.169.107
5. Lợi thế thương mại	269		872.673.750	895.050.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**266.058.267.909**	**279.743.504.355**

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

		MS	TM	31/12/2016 VND	11/10/2016 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**115.058.580.921**	**131.388.057.711**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**110.840.580.921**	**125.420.057.711**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	14.584.778.515	18.210.313.574
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.547.399.505	11.381.359.654
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	5.838.313.586	8.252.319.388
4.	Phải trả người lao động	314		7.209.165.432	6.853.479.080
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	651.934.595	560.707.296
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	21.696.025.316	25.185.273.847
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	53.231.707.848	54.895.348.748
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		4.715.374	4.715.374
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		76.540.750	76.540.750
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**4.218.000.000**	**5.968.000.000**
7.	Phải trả dài hạn khác	337	5.14	18.000.000	18.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	4.200.000.000	5.950.000.000
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)**	**400**		**150.999.686.988**	**148.355.446.644**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.16**	**150.999.686.988**	**148.355.446.644**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		117.377.280.000	117.377.280.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		13.400.707.544	13.400.707.544
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.150.989.001	(451.132.330)
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*(451.132.330)*	*(451.132.330)*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*2.602.121.331*	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.017.815.253	975.696.240
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**266.058.267.909**	**279.743.504.355**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Yến	Nguyễn Văn Chi	Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 11/10/2016 đến ngày 31/12/2016

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 11/10/206 đến 31/12/2016 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	56.711.234.524
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		56.711.234.524
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.18	47.476.862.735
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**9.234.371.789**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	14.221.915
7.	Chi phí tài chính	22	5.20	3.134.602.506
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.282.532.000*
8.	Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-
9.	Chi phí bán hàng	25		-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	4.569.790.682
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}**	**30**		**1.544.200.516**
12.	Thu nhập khác	31	5.22	1.567.186.562
13.	Chi phí khác	32	5.22	848.234.976
14.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**5.22**	**718.951.586**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**2.263.152.102**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**2.263.152.102**
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		2.394.352.087
18.2	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(131.199.985)
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	203,99

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Yến	Nguyễn Văn Chi	Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 11/10/2016 đến ngày 31/12/2016

	CHỈ TIÊU	MS	Từ 11/10/206 đến 31/12/2016 VND
1		2	4
I	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**		
1	***Lợi nhuận trước thuế***	**01**	**2.263.152.102**
2	***Điều chỉnh cho các khoản***		
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	2.354.178.534
	- Các khoản dự phòng	03	1.852.070.506
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(423.312.824)
	- Chi phí lãi vay	06	1.282.532.000
3	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	**08**	**7.328.620.318**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.036.287.393
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.685.351.468
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(12.625.974.947)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.720.839.425
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.191.304.701)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**10.953.818.956**
II	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**		
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.364.694.114)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	409.090.909
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.221.915
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(5.941.381.290)**
III	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**		
3	Tiền thu từ đi vay	33	33.086.117.160
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(36.499.758.060)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(3.413.640.900)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**	**1.598.796.766**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**7.132.572.645**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**8.731.369.411**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Yến	Nguyễn Văn Chi	Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Mẫu B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 28 tháng 05 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 ngày 28/5/2015 là 117.377.280.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

Trụ sở chính của Công ty tại tổ 4 phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Công ty con được hợp nhất

Công ty con của Công ty là Công ty TNHH Việt Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiêm hữu hạn một thành viên trở lên số 4700137279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 04/02/2002 và thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 10 năm 2016. Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn mua 2.268.000 cổ phần tương ứng sở hữu 65% vốn điều lệ. Tỷ lệ vốn góp thực tế tại 31/12/2016 là 67,79%.

Vốn theo giấy đăng ký kinh doanh: 10.368.000.000 VND

Ngành nghề kinh doanh: Khai thác kim loại màu và kim loại quý.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn cho kỳ hoạt động từ ngày 11/10/2016 đến ngày 31/12/2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn và Công ty con

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Nghành nghề kinh doanh: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại và quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Khai thác đá, cát , sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản hoa quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc thiết và phụ tùng máy khác, Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trinh xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng , vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ . chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, Chi tiết: thăm dò khoáng sản ; Chưng , tinh cất và pha chế rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại đen, kim loại màu và kim loại quý hiếm; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nước giải khát,....

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có công ty con và công ty liên kết như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
- Công ty TNHH Việt Trung	Khai thác quạng	67,79%	67,79%
Công ty liên doanh			
- Công ty CP Đầu tư TM và Du lịch Bó Nặm	Dịch vụ thương mại	26,5%	26,5%
- Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn - Lào	Thăm dò và thăm dò khoáng sản	23%	23%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC và thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc năm tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất đầu tiên của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 11/10/2016 đến ngày 31/12/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 11/10/2016 đến ngày 31/12/2016.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 11/10/2016 đến ngày 31/12/2016 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 11/10/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sane Bắc Kạn là Công ty TNHH Việt Trung

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tờ khai áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương tại ngày 31/12/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2016	Ngân hàng Thương mại CP Công thương	22.710 VND/USD	22.780 VND/USD

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

  Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016 Thời gian khấu hao
	(Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 06

TSCĐ vô hình bao gồm quyền khai thác nước khoáng, chi phí sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Thời gian khấu hao cụ thể:

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016 Thời gian khấu hao
	Số năm
Quyền khai thác nước khoáng	05
Chi phí sử dụng đất	20

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 02 đến 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mức kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí lãi vay, chi phí bản quyền trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư…,) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

  Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là khai thác bán khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán mặt hàng nước, rượu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	11/10/2016 VND
Tiền mặt	8.259.188.575	6.976.900.945
Tiền gửi ngân hàng	472.180.836	155.671.700
Tổng	**8.731.369.411**	**7.132.572.645**

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2016 VND	11/10/2016 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**20.677.348.598**	**31.906.704.599**
- Phải thu A	-	-
Công ty TNHH dịch vụ ANB	9.270.000.000	24.270.000.000
Công ty CPĐTTM & DL Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã	5.005.569.860	3.755.929.859
Một số đối tượng khác	3.511.378.118	990.374.120
Trong đó phải thu các bên liên quan	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty CPĐT TM & DL Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	**20.677.348.598**	**31.906.704.599**

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		11/10/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**5.600.600.549**	-	**4.414.653.018**	-
Công ty LD Kim loại màu Việt Bắc	462.590.470	-	462.590.470	-
- Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	2.594.961.620	-	2.326.811.112	-
- Tạm ứng	1.543.048.459	-	1.625.251.436	-
Dài hạn	**1.432.217.000**	-	**1.421.004.419**	-
- Ký cược, ký quỹ	1.432.217.000	-	1.421.004.419	-
Tổng	**7.032.817.549**	-	**5.835.657.437**	-

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		11/10/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	4.315.413.009	-	2.890.400.620	-
Trong đó:				
				Quá hạn trên 3 năm
Công ty CPĐT TM & DL Bó Nặm	-	-	-	2.890.400.620
Các đối tượng khác	-	-	-	1.425.012.389

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		11/10/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	60.084.140	-	60.084.140	-
Nguyên liệu, vật liệu	12.331.571.493	(310.506.155)	12.968.760.154	(310.506.155)
Công cụ, dụng cụ	1.793.342.448	-	1.853.187.648	-
Chi phí SX KDDD	4.645.123.715	-	4.362.029.188	-
Thành phẩm	30.048.219.019	-	36.319.196.664	-
Hàng hóa	62.992.985	-	63.427.474	-
Hàng gửi bán	112.960.643	-	112.960.643	-
Tổng	**49.054.294.443**	**(310.506.155)**	**55.739.645.911**	**(310.506.155)**
	-		-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 11/10/2016	**44.572.105.334**	**77.292.939.510**	**7.372.025.391**	**405.266.569**	**2.719.688.183**	**132.362.024.987**
Tăng trong kỳ	**-**	**1.422.209.810**	**484.825.455**	**-**	**44.700.000**	**1.951.735.265**
Mua trong kỳ	-	1.422.209.810	484.825.455	-	44.700.000	1.951.735.265
Giảm trong kỳ	**-**	**-**	**827.695.454**	**-**	**-**	**827.695.454**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	827.695.454	-	-	827.695.454
Số dư tại 31/12/2016	**44.572.105.334**	**78.715.149.320**	**7.029.155.392**	**405.266.569**	**2.764.388.183**	**133.486.064.798**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 11/10/2016	**26.515.098.428**	**43.207.143.040**	**5.829.135.946**	**405.266.569**	**2.432.329.071**	**78.388.973.054**
Tăng trong kỳ	**659.391.715**	**1.511.939.774**	**133.934.843**	**-**	**1.738.333**	**2.307.004.665**
Khấu hao trong kỳ	659.391.715	1.511.939.774	133.934.843		1.738.333	2.307.004.665
Giảm trong kỳ	**-**	**-**	**827.695.454**	**-**	**-**	**827.695.454**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	827.695.454	-	-	827.695.454
Số dư tại 31/12/2016	**27.174.490.143**	**44.719.082.814**	**5.135.375.335**	**405.266.569**	**2.434.067.404**	**79.868.282.265**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 11/10/2016	**18.057.006.906**	**34.085.796.470**	**1.542.889.445**	**-**	**287.359.112**	**53.973.051.933**
Tại 31/12/2016	**17.397.615.191**	**33.996.066.506**	**1.893.780.057**	**-**	**330.320.779**	**53.617.782.533**

Công ty đã thế chấp nhà xưởng và một số phương tiện với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 41.938.307.972
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 49.393.268.078VND

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 11/10/2016	**1.111.264.959**	**974.198.127**	**2.085.463.086**
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	**1.111.264.959**	**974.198.127**	**2.085.463.086**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 11/10/2016	**574.623.112**	**661.884.333**	**1.236.507.445**
Tăng trong kỳ	**19.875.624**	**27.298.245**	**47.173.869**
Khấu hao trong kỳ	19.875.624	27.298.245	47.173.869
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	**594.498.736**	**689.182.578**	**1.283.681.314**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 11/10/2016	**536.641.847**	**312.313.794**	**848.955.641**
Tại 31/12/2016	**516.766.223**	**285.015.549**	**801.781.772**

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		11/10/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
Nhà máy xử lý chất thải rắn	9.142.124.595	9.142.124.595	9.142.124.595	9.142.124.595
Đầu tư mỏ Nà Bốp - Pù Sáp	61.463.938.011	61.463.938.011	56.990.979.162	56.990.979.162
Dự án mỏ Vàng Pắc Lạng	4.095.190.347	4.095.190.347	4.155.190.347	4.155.190.347
Đường, cổng, sân, đập, trạm bơm xưởng tuyển	2.730.345.841	2.730.345.841	2.730.345.841	2.730.345.841
Dự án Nhà máy xí măng Chợ Mới	2.639.741.198	2.639.741.198	2.639.741.198	2.639.741.198
Điểm mỏ chì kẽm Nà Duồng, Tủm Tó	4.483.703.884	4.483.703.884	4.483.703.884	4.483.703.884
Mở rộng Nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Sửa chữa lớn Xí nghiệp tuyển quặng	1.600.299.829	1.600.299.829	1.600.299.829	1.600.299.829
Chi phí đào lò 313 và Boong ke 320, lò 326	1.030.617.713	1.030.617.713	1.030.617.713	1.030.617.713
Sửa chữa lớn XN bột kẽm ôxít	286.617.446	286.617.446	286.617.446	286.617.446
Nhà máy luyện chì	1.081.850.770	1.081.850.770	1.081.850.770	1.081.850.770
Xưởng in phun mờ chai	109.286.614	109.286.614	109.286.614	109.286.614
Đầu tư khai thác mỏ chì kẽm Lũng Váng	778.250.805	778.250.805	778.250.805	778.250.805
Các công trình khác	1.173.037.643	1.173.037.643	1.173.037.643	1.173.037.643
Tổng	**92.204.505.660**	**92.204.505.660**	**87.791.546.811**	**87.791.546.811**

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2016		11/10/2016	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			**4.730.835.820**	**(946.000.000)**	**6.205.922.401**	**(569.016.075)**
Đầu tư vào Công ty liên kết						
Công ty CP Đầu tư TM và Du lịch Bó Nặm	26,5%	26,5%	-	-	1.475.086.581	-
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn - Lào	23,0%	23,0%	4.730.835.820		4.730.835.820	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			**13.365.416.075**	**-**	**13.365.416.075**	
Tổng Công ty Cổ phần khoáng sản Luyện kim Bắc Kạn			120.000.000	-	120.000.000	-
Công ty cổ phần bến xe khách Nghệ An			13.245.416.075	(946.000.000)	13.245.416.075	(569.016.075)
Tổng			**18.096.251.895**	**(946.000.000)**	**19.571.338.476**	**(569.016.075)**

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	11/10/2016 VND
Ngắn hạn	**9.416.859.580**	**7.284.904.013**
Chi phí CCDC,VT chờ phân bổ	1.973.421.720	2.220.897.094
Chi phí nhà máy luyện chì	2.311.910.488	899.760.185
Chi phí xí nghiệp Chợ Đồn	176.564.593	168.530.015
Sửa chữa lò quay xí nghiệp bột kẽm	98.384.822	-
Chi phí chờ phân bổ tại Công ty TNHH Việt Trung	4.856.577.957	3.995.716.719
Dài hạn	**4.251.750.365**	**8.082.169.107**
Chi phí chờ phân bổ Văn phòng	884.841.171	
Chi phí chạy thử nhà máy luyện chì	947.267.311	947.267.311
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.419.641.883	7.134.901.796
Tổng	**13.668.609.945**	**15.367.073.120**

5.11 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		11/10/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	**14.584.778.515**	**14.584.778.515**	**18.210.313.574**	**18.210.313.574**
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	2.435.003.569	2.435.003.569		-
- Công ty Trường Phong	5.018.636.923	5.018.636.923	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	7.131.138.023	7.131.138.023	18.210.313.574	18.210.313.574
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	**14.584.778.515**	**14.584.778.515**	**18.210.313.574**	**18.210.313.574**

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	11/10/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2016
Phải nộp	**8.252.319.388**	**4.039.425.000**	**6.453.430.802**	**5.838.313.586**
Thuế giá trị gia tăng	4.188.447.564	2.475.984.791	4.554.972.644	2.109.459.711
Thuế tiêu thụ đặc biệt	30.892.348	2.602.372	10.496.170	22.998.550
Thuế thu nhập doanh nghiệp	401.783.077	(381.088.242)	-	20.694.835
Thuế thu nhập cá nhân	27.245.549	(27.011.855)	(51.678.591)	51.912.285
Thuế tài nguyên	1.532.382.266	750.021.562	1.168.388.929	1.114.014.899
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	272.463.722	(32.884.000)	305.347.722
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.071.568.584	938.491.200	796.174.200	2.213.885.584
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	7.961.450	7.961.450	-
Phải thu	**93.265.150**	**-**	**119.809.979**	**213.075.129**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.265.150			93.265.150
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	119.809.979	119.809.979

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	11/10/2016 VND
Ngắn hạn	**651.934.595**	**560.707.296**
Chi phí lãi vay	651.934.595	560.707.296
Tổng	**651.934.595**	**560.707.296**

5.14 Phải trả khác

	31/12/2016 VNĐ	11/10/2016 VND
Ngắn hạn	**21.696.025.316**	**25.185.273.847**
Kinh phí công đoàn	1.484.631.310	1.603.864.347
Bảo hiểm xã hội	84.380.710	2.981.695.119
Bảo hiểm y tế	2.962.700	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.579.220	466.361.863
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	354.055.160	354.055.160
Phải trả, phải nộp khác	9.305.581.816	8.917.462.958
- Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (*)	1.550.000.000	1.950.000.000
- Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (**)	3.911.834.400	3.911.834.400
- Châu Lập Cường	4.000.000.000	4.000.000.000
- Vũ Thu Trang	1.000.000.000	1.000.000.000
Dài hạn	**18.000.000**	**18.000.000**
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	18.000.000	18.000.000
Tổng	**21.714.025.316**	**25.203.273.847**

(*): Tiền đặt cọc theo thỏa thuận đầu tư khai thác tại mỏ vàng Pắc Lạng
(**): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/03/2008 giữa Công ty với Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc, mục đích xây dựng Nhà máy Luyện chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay	31/12/2016		Phát sinh trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**53.231.707.848**	**53.231.707.848**	**33.086.117.160**	**34.749.758.060**	**54.895.348.748**	**54.895.348.748**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Kạn	14.545.224.180	14.545.224.180	9.681.308.201	10.051.321.603	14.915.237.582	14.915.237.582
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Kạn	27.289.141.204	27.289.141.204	22.004.808.959	24.698.436.457	29.982.768.702	29.982.768.702
Vũ Phi Hổ	2.430.000.000	2.430.000.000	-	-	2.430.000.000	2.430.000.000
Bùi Mạnh Cường	4.850.000.000	4.850.000.000	-	-	4.850.000.000	4.850.000.000
Mai Thanh Sơn	2.605.342.464	2.605.342.464	-	-	2.605.342.464	2.605.342.464
Vay ngắn hạn XN Chợ Đồn	30.000.000	30.000.000	-	-	30.000.000	30.000.000
Vay ngắn hạn CNTN	82.000.000	82.000.000	-	-	82.000.000	82.000.000
- Các khoản đi vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bắc Kạn	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000			
Vay dài hạn	**4.200.000.000**	**4.200.000.000**	**-**	**1.750.000.000**	**5.950.000.000**	**5.950.000.000**
- Từ 12 tháng - 60 tháng						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Kạn (*)	4.200.000.000	4.200.000.000	-	1.750.000.000	5.950.000.000	5.950.000.000
Tổng	**57.431.707.848**	**57.431.707.848**	**33.086.117.160**	**36.499.758.060**	**60.845.348.748**	**60.845.348.748**

(*)Hợp động tín dụng số 01.07/2015 ngày 29/07/2015; hạn mức tín dụng 7.000.000.000 đồng; Các khoản nợ sẽ được bên vay dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: dự án cải tạo nhà máy luyện chì công suất 5.000 tấn/ năm tại xã Lũng Váng, Huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; Thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 10,5%/năm; hình thức đảm bảo thế chấp bằng tài sản: Thiết bị chủ thể lò luyện số 012505/HĐMB/2015 ngày 25/5/2015; Thiết bị mua bán chủ thể máy sấy số 022505/HĐMB/2015 ngày 25/5/2015; Lò luyện chì công suất: 15 tấn / ngày; Lò thiêu kết tinh quặng chì HWLY 2,4mx 30,01 công suất 50 tấn/ ngày.

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 11/10/2016	**117.377.280.000**	**17.052.895.190**	**13.400.707.544**	**(451.132.330)**	**975.696.240**	**148.355.446.644**
Điều chỉnh do tăng tỷ lệ kiểm soát	-	-	-	(173.318.998)	173.318.998	-
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	-	2.394.352.087	(131.199.985)	2.263.152.102
Tăng khác	-	-	-	381.088.242		381.088.242
Số dư tại 31/12/2016	**117.377.280.000**	**17.052.895.190**	**13.400.707.544**	**2.150.989.001**	**1.017.815.253**	**150.999.686.988**

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 11/10/2016 đến 31/12/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Vốn góp tại đầu kỳ	117.377.280.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp tại cuối kỳ	117.377.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	11/10/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành	**11.737.728**	**11.737.728**
Số lượng cổ phiếu phát hành	**11.737.728**	**11.737.728**
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành	**11.737.728**	**11.737.728**
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 11/10/206 đến 31/12/2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	56.711.234.524
Tổng	**56.711.234.524**

5.18 Giá vốn hàng bán

	Từ 11/10/206 đến 31/12/2016 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	47.476.862.735
Tổng	**47.476.862.735**

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 11/10/206 đến 31/12/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.221.915
Tổng	**14.221.915**

5.20 Chi phí tài chính

	Từ 11/10/206 đến 31/12/2016 VND
Lãi tiền vay	1.282.532.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.852.070.506
Tổng	**3.134.602.506**

5.21 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 11/10/206 đến 31/12/2016 VND
Chi phí quản lý	**4.569.790.682**
Chi phí nhân viên quản lý	2.233.949.115
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.250.660
Chi phí khấu hao TSCĐ	49.684.403
Thuế phí và lệ phí	14.985.058
Chi phí dự phòng	1.425.012.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.425.121
Chi phí bằng tiền khác	658.107.686
Lợi thế thương mại	22.376.250
Tổng	**4.569.790.682**

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Từ 11/10/206 đến 31/12/2016 VND
Thu nhập khác	
Thanh lý tài sản	409.090.909
Thu cho thuê văn phòng, xưởng	1.136.363.637
Thu nhập khác	21.732.016
Tổng	**1.567.186.562**
Chi phí khác	
Khấu hao TSCĐ cho thuê	188.778.907
Phạt thuế, phạt chậm nộp	448.607.375
Chi phí khác	210.848.694
Tổng	**848.234.976**
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	**718.951.586**

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 11/10/206 đến 31/12/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	**2.394.352.087**
Các khoản điều chỉnh	
Các khoản điều chỉnh tăng	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	**2.394.352.087**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	11.737.728
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**203,99**

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 11/10/206 đến 31/12/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.348.074.680
Chi phí nhân công	10.626.251.128
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.354.178.534
Thuế, phí lệ phí	14.985.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.549.294.775
Chi phí khác bằng tiền	899.395.654
Tổng	**22.792.179.829**

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Báo cáo bộ phận

Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là khai và chế biến khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

6.2 Thông tin so sánh

Đây là kỳ báo cáo hợp nhất đầu tiên của Công ty do đó không có số liệu so sánh.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Yến	Nguyễn Văn Chi	Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
M.S.D.N: 4700149595 - C.T.C.P - TP. BẮC KẠN - T. BẮC KẠN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Địa chỉ: Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: (84.281) 3812 399 - Fax: (84.281) 3871 837 - Website: www.backanco.com
Giấy chứng nhận ĐKKD số 4700149595 do Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Kạn
cấp ngày 29/03/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 28/5/2015

BKC
Nghĩ mới - Làm mới

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Thời gian: Khai mạc lúc 08h00 ngày 29 tháng 4 năm 2017
Địa điểm: Khách sạn Núi Hoa, tỉnh Bắc Kạn
(Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn)

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
01	07h00-08h00	- Cổ đông đăng ký danh sách, nhận tài liệu	BTC
02	08h00-08h30	- Ổn định và chào cờ - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	BTC
		- Thông qua quy chế làm việc của Đại hội	BTC
		- Chủ tịch HĐQT lên phát biểu khai mạc và điều hành Đại hội. - Bầu Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội - Thông qua chương trình nghị sự Đại hội	Chủ tịch HĐQT
03	08h30-10h30	**CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ ĐẠI HỘI**	
		1. Thông qua Tờ trình về việc đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2017. Thảo luận và biểu quyết.	Tổng Giám đốc
		2. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng
		3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016 và phương hướng hoạt động năm 2017. Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
		4. Thông qua Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016. Thảo luận và biểu quyết.	Trưởng Ban kiểm soát
		5. Thông qua Tờ trình dự kiến phân phối lợi	Kế toán trưởng

		nhuận năm 2016. Thảo luận và biểu quyết.	
		6. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát. Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
		7. Bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2016 – 2021: - Thông báo về việc bầu cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2016 - 2021; - Thông qua quy chế đề cử, ứng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2016 - 2021; Thảo luận và biểu quyết. - Thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2016 – 2021; Thảo luận và biểu quyết. - Thông qua quy chế bầu cử thành BKS nhiệm kỳ 2016 – 2021; Thảo luận và biểu quyết. - Tiến hành bầu cử.	Chủ tịch HĐQT Ban kiểm phiếu
04	10h30-10h45	Nghỉ giải lao 15 phút trong khi chờ kiểm phiếu	
05	10h45-11h30	8. Thông báo kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát mới ra mắt Đại hội.	Ban kiểm phiếu
		9. Thông qua Tờ trình về việc đầu tư dự án BT Đường ven sông Đồng Nai và ủy quyền cho Hội đồng quản trị. Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
		10. Thông qua Tờ trình về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2017. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng
		11. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2017. Thảo luận và biểu quyết.	Trưởng ban kiểm soát
		12. Các nội dung khác do Đại hội quyết định	Chủ tịch HĐQT
06	11h30-12h	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội. Thảo luận và biểu quyết thông qua.	Chủ tịch HĐQT Thư ký Đại hội
07	12h5	Bế mạc Đại hội	Chủ tịch HĐQT